

QUAN HOÀNG PHÁP CỦA GIÁO HỘI TĂNG GIÀ TOÀN QUỐC



LIÊN HOA

NGUYỆT SAN

SỐ 1 – THÁNG GIÊNG NĂM CANH-TÝ

LIÊN - HOA NGUYỆT - SAN

Rằm tháng 1 năm Canh - Tý

(11 - 2 - 1960)

Năm thứ 6.

TRONG SỐ NÀY :

Đầu năm tin tưởng

Thông-Bạch

Phật Tánh

Văn thơ chữ Hán

Vô úy Thị (chuyện ngắn)

Khò

Niềm an tịnh trong lòng

Cảm nghĩ về thời đại nhà Lý

Một mùa Xuân (thơ)

Phật-Giáo là đường tiến của nhân loại

Những ngã đường (chuyện dài)

Thơ mùa mới

Món quà đầu Xuân (chuyện ngắn)

Cần hiểu đúng đắn ý nghĩa...

Dự án về trường Hàm thụ...

Tin Tức

Liên-Hoa

H. T. Thích Khánh-Anh

Quang-Anh dịch

Bích-Phong

Nguyễn-Khương

Thích Thuỳên-Minh

Michiko Koide

Như-Khánh

Huyền-Không

Thích Đức-Nhuận

Võ đình Cường

Nguyễn-Thái

Dương trường-Giang

Hùng-Khanh

Phan-cảnh-Tuấn

Bìa do họa-sĩ PHẠM-ĐĂNG-TRÍ trình bày

ĐẦU NĂM TIN TƯỜNG

CUỐI năm vừa qua, Phật-giáo Việt-Nam đã bước những bước tiến lớn. Từ những làn sóng rời-lẻ, nhờ một cơn gió thuận chiều thổi từ năm châu bốn biển một làn sóng lớn mạnh — một phong-trào — đã ùn-ùn nổi lên, làm thay đổi hẳn bộ mặt lạnh-lùng, trầm lặng của Phật-giáo ở nửa phần đất nước này. Nhờ sự rầm rộ của những đại lễ Kỷ-niệm 2.500 Phật-lịch ở các nước Á-đông, Phật-giáo Việt-Nam bừng mắt tỉnh dậy, thấy mình chậm lụt rất xa sau người, nên đã nỗ lực tiến lên cho kịp phong trào chung.

Mở đầu sự cảnh tỉnh là những tiếng chuông thống thiết kêu gọi đoàn-kết, thống-nhất Phật-giáo mà tạp-chí Phật-giáo Việt-Nam đã dóng lên. Những tiếng chuông ấy có khi vì quá tha thiết nên trở thành gắt gao đối với một số người. Nhưng dù sao, ảnh hưởng của những tiếng chuông ấy là ảnh hưởng quý báu, cần-thiết đã tạo những điều kiện tâm lý thuận lợi cho Đại-hội Phật-giáo toàn quốc lần thứ ba, mở vào cuối tháng chín Phật-lịch 2.503. Sau đó mấy hôm là Đại-hội Giáo-hội Tăng-già Toàn-quốc lần thứ hai. Hai đại-hội ấy đã xúc

tiến được nhiều Phật-sự trọng yếu mở màn cho sự lớn mạnh của phong-trào : củng cố bộ máy lãnh đạo của Tổng-hội và Giáo-hội ; chỉnh-đốn các ngành chuyên-môn ; xếp đặt trụ-sở và văn phòng các cơ-quan nói trên ; cử quý-vị Tăng - già làm Tuyên - úy cho Hội Hướng - đạo Việt - Nam ; xuất bản những tập kỷ - yếu của hai Đại - hội nói trên, chuyển tạp - chí Liên - Hoa, cơ-quan ngôn luận của Giáo-hội Tăng - già Trung-phần, thành cơ-quan ngôn luận của Giáo-Hội Tăng-già toàn quốc, và tạp chí Từ-Quang, cơ-quan ngôn luận của Hội Phật-học Nam-Việt thành cơ-quan ngôn luận của Tổng-Hội Phật-giáo Việt-Nam ; cử phái đoàn của Tổng-hội đi thăm đồng-bào Phật-giáo ở các vùng dinh-điền Cao-nguyên Trung-phần v.v...

Năm Kỳ-hợi chấm dứt trong sự rạo-rực xây-dựng của giới Phật-tử. Năm Canh-Tý mở đầu với cái đà tiến mạnh, thừa tiếp được của năm vừa qua : trong mấy tháng đầu năm nay, chúng ta sẽ vui mừng đón tiếp các hội-nghị của các ngành như Hoằng-pháp, Giáo-dục, Nghi-lễ, Văn-hóa, Thanh niên Phật-tử. Những hội-nghị ấy có mục-đích thống nhất ý chí quan-điểm của ngành, hoạch định công tác và cất cử các ban viên phụ trách công tác của ngành.

Các hội nghị ấy hứa-hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp. Đó là những sự-kiện làm chúng ta tin tưởng ở sự tiến triển mạnh mẽ của phong trào chấn hưng Phật-giáo trong năm nay.

Nhưng không những chỉ những sự kiện ấy. Sự hăng hái và sáng suốt hoạt-động của cấp lãnh đạo, đã đành rằng quý báu và cần thiết. Nhưng còn quý báu

và cần thiết hơn nữa! là sự hăng hái, trung kiên của hạ-tầng cơ-sở của tổ-chức chúng ta, tức là các hội viên ở các khuôn-hội, chi-hội, các tín đồ, các chùa địa phương. Lực-lượng chính của Tổng-hội Phật giáo nói riêng, và của Đạo Phật Việt-Nam nói chung là ở đấy. Trong mấy năm lại đây và nhất là năm vừa qua, Đạo Phật chúng ta bị chèn ép và gặp nhiều trở ngại ở các địa-phương, nhất là những vùng xa-xôi, hẻo-lánh. Nhưng tín đồ và hội hữu chúng ta vẫn trung kiên theo tôn chỉ của Hội, và nói chung theo tinh thần bi, trí, dũng của Đạo. Người Phật-tử chúng ta, nhất là ở thôn quê, bị đủ các thứ thử-thách, nhưng Bồ-đề tâm vẫn kiên-cố. Và lạ nhất, là càng bị trở ngại, thì tín-đồ xin vào Hội, và thường nhân xin quy-y, thọ-giới lại càng nhiều. Hiện tượng ấy xảy ra ở Trung-phần đã nhiều, mà ở Nam-phần lại càng nhiều hơn.

Trong lịch-sử thế-giới, một sự kiện sau này được nhiều lần ghi nhận: Khi một phong trào, một chế-độ một tổ-chức quần chúng sắp sụp đổ, suy tàn, thì cấp lãnh-đạo dần dần trở thành cứng rắn, độc tài, và thúc đẩy sự thi hành mệnh lệnh một cách khó khăn ở các cấp dưới. Trái lại, khi một phong trào, một chính thể, một tổ chức quần chúng đang lên thì chính quần chúng lại thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho sự lãnh đạo của cấp chỉ huy. Đạo Phật Việt-Nam đang ở trong trạng thái thứ hai này.

Vì thế cho nên chúng ta tin tưởng ở sự hưng thịnh của Đạo Phật Việt-Nam, trong một ngày rất gần đây,

LIÊN - HOA

THÔNG - BẠCH

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH - CA MÀU - NI PHẬT

Kính Quí liệt Tăng Ni,

Cùng toàn thể Phật-Giáo đồ,

BẮT đầu số này, Nguyệt-San Liên Hoa trở thành cơ quan hoàng pháp của Giáo hội Tăng già toàn quốc. Từ năm năm lại đây, Nguyệt-San Liên-Hoa là cơ quan hoàng-pháp của Giáo-hội Trung-phần, do thiện chí thống nhất của Giáo hội ấy cũng như lòng tha thiết của hai Giáo-Hội Nam và Bắc muốn có một cơ quan hoàng pháp chung, nên trong kỳ Đại-hội Tăng già toàn quốc lần thứ hai tại Chùa Ấn-quang Chợ-Lớn vừa rồi, quý vị Đại biểu đồng thanh yêu cầu và đã được Giáo hội Trung phần hoan hỷ chuyển Nguyệt San Liên Hoa làm cơ quan hoàng pháp của Giáo hội Tăng già toàn quốc, để mở đầu chương trình thống nhất Tăng già và thêm điều kiện bồi đắp một cơ quan hoàng pháp gương mẫu của Giáo-hội Tăng già Việt Nam, hầu chấn hưng nền văn hóa Phật-Giáo nước nhà, góp phần xây dựng đạo đức an lạc cho đồng bào dân tộc.

Tuy nguyên tắc và nguyện vọng của Giáo-hội toàn quốc là thế, nhưng có được kết quả như ý hay không phần lớn là nhờ sự ủng hộ thực tế của toàn thể quý liệt Tăng, Ni và tín đồ các nơi.

Nhân danh Thượng - Thủ Giáo-hội Tăng - già toàn quốc tôi thành kính yêu cầu quý liệt Tăng, Ni cùng toàn thể tín đồ không phân biệt những vị đã gia nhập Tổng hội hay chưa gia nhập, các tập

đoàn Năm phần, Trung phần hay Bắc phần, quý vị hiện ở trong nước hay hải ngoại, hãy tùy tài tùy lực tích cực ủng hộ Nguyệt San Liên Hoa bằng cách:

— Tham gia vào ban biên tập: sáng tác, dịch thuật hoặc sưu tầm những tin tức Phật sự đặc biệt ở ngoại quốc hay địa phương mình, hằng tháng gửi về cho Tòa soạn.

— thỉnh thoảng cho Tòa soạn biết ý kiến quý vị đối với nội dung và hình thức của Liên Hoa cũng như ý kiến của độc giả mà quý vị đã thu thập.

— Tự mình và khuyến khích những người quen biết đọc và cổ động Nguyệt San Liên Hoa hoặc giới thiệu cho Tòa soạn những người có thể làm Đại lý Liên Hoa ở quý địa phương.

Những điểm trên đây nếu được quý vị gia tâm thực hiện, chúng tôi tin rằng cơ quan hoàng pháp của Giáo Hội toàn quốc sẽ được phát triển mạnh mẽ, chánh pháp của đức Như-Lai chúng ta sẽ lan tràn khắp han cùng ngõ hẻm, không bao lâu bóng tối tham, sân, si sẽ lui dần không còn ngự trị trong tâm tưởng và hành động mọi người, cảnh thanh bình an lạc sẽ trở về với muôn loài cây cỏ trên đất nước thân yêu của chúng ta.

Tin tưởng vào hồng ân chư Phật và thiện chí hộ-trì chánh-pháp của quý vị.

Kính chào tinh tấn.

Ấn-Quang, ngày 15 tháng giêng Canh-Tý

Hòa-Thượng Thượng-Thủ
Giáo-Hội Tăng-Già Toàn Quốc

THÍCH KHÁNH-ANH

PHẬT TÁNH

D. T. Suzuki

Nếu qui bạn đòi tôi giải thích cái điều quý bạn gọi một « biến cố ngộ đạo » và qui bạn phân biệt « trạng thái ngộ đạo » với biến cố ngộ đạo, tôi sẽ bảo qui bạn thế này: tất cả chúng ta không trừ một ai, bất cứ người nào và ngay cả đến sinh vật nào có trí giác, sinh vật nào có cảm giác đều ở trong trạng thái ngộ đạo. Tất cả chúng ta đều ở trong đó, duy chúng ta không biết đến mà thôi.

Chúng ta không có ý thức về lớp không khí bao quanh trái đất, nhưng khi gió thổi không khí rung động làm chúng ta cảm nhận sự hiện hữu của không khí mà trước kia chúng ta chưa nhận thức vì nó bất động và im lìm. Vậy thì cái luồng gió đó, cái sự lay động tức là « biến cố ngộ đạo » nếu tôi có thể

diễn đạt một cách như thế được.

Trong lúc mọi vật nằm yên chúng ta đều ở trong trạng thái ngộ đạo, nhưng một kích động trong tâm thức xảy đến có thể phát sinh ra sự ngộ đạo. Đây không phải là một sự kiện thông thường. Nó có thể xảy đến cho một người nào đó trong một trường hợp nào đó, nhưng cần phải có một sự chuẩn bị từ trước.

Chúng ta hãy lấy một thí dụ trong đời Đức Phật. Ngài từ bỏ dục vọng thế gian, vào rừng sâu nghiên cứu triết học với những vị giáo sư lỗi lạc nhất thời bấy giờ. Nhưng sự nghiên cứu của Ngài lúc đó thuộc về tri giác và được thực hành với lý trí. Sự học hỏi đó không đem lại cho trong thâm tâm Ngài một tin

tướng nào vào sự hiện hữu của chân lý. Vì thế Ngài đã không lấy làm hoàn toàn mãn nguyện với những cuộc thảo luận về triết học.

Ngài lại vào rừng sáu tu khổ hạnh. Ngài đã nghĩ rằng : khi chúng ta chịu những đòi hỏi của thân xác chúng ta thì cái trí của chúng ta xao lãng mục đích của nó và tinh thần hợp mê làm nó không thực hiện được sự quyết tâm của nó. Cho nên Ngài đã giảm đến cùng mức những nhu cầu của xác thân Ngài : ăn ít, ngủ ít và ngồi yên lặng tham thiền luôn ngày luôn đêm. Tuy thế ngài vẫn không thấy được thỏa mãn gì hơn, là vì nếu những nhu cầu của xác thân càng ngày càng giảm xuống thì đồng thời sức lực của Ngài cũng tương đương hao mòn dần đi đến nỗi Ngài không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi vì quá kiệt quệ. Nhờ sự sống con người mới đến chỗ thực hiện được chân lý và mãn nguyện đầy đủ. Vậy cần phải bảo vệ đời sống được mạnh mẽ và điều này không thể thực hiện được nếu người ta già giảm những nhu cầu tối yếu cho sanh mạng. Và ngài đã ăn uống điều hòa

trở lại. Nguyên vọng của Ngài đạt được một cái gì vẫn còn tồn tại. Ngài không biết cái đó là gì nếu không phải là một sự khao khát trong thâm tâm Ngài. Sự học hỏi tinh thần cũng như những lối tu khổ hạnh đã tỏ ra không đi đến đâu cả. Nhưng sự khao khát kia vẫn còn đó. Ngài cảm thấy một nỗi băn khoăn sâu xa mà thái độ tri thức, lễ lối khổ hạnh cũng không làm sao giải quyết được. Ngài không biết làm thế nào. Không còn gì để ngài xét nghiệm nữa. Ngài từ bỏ sự nghiên cứu về tri thức trong đó có sự vận dụng của chủ quan và khách quan, là một lối phân tách không gây ra trạng thái an tâm. Trong khi chúng ta cố gắng hoàn toàn về đạo đức, tất nhiên chúng ta đã phân ra một bên này là người ao ước sự toàn thiện đạo đức và một bên kia là sự toàn thiện ấy. Thật ra không làm thế nào đạt được sự toàn thiện ấy bởi vì khi chúng ta đạt được một trình độ toàn thiện đạo đức nào thì trình độ ấy còn bao hàm một trình độ toàn thiện đạo đức cao hơn nữa. Chúng ta sẽ chẳng

bao giờ toàn thiện được. Không thể thực hiện lý tưởng được khi người tìm sự toàn thiện vẫn còn riêng biệt với sự toàn thiện. Sự phân tách chân lý thành hai danh từ đối lập, chủ quan và khách quan, người suy tưởng một vật và cái vật suy tưởng, sự phân tách ấy còn tồn tại bao lâu thì còn ngăn cản bấy lâu sự thực hiện Chân lý.

Đành rằng bấy nhiêu đó là một mô lý luận, mà Đức Phật, Ngài chẳng lý luận, Ngài chỉ cảm thấy một sự đòi hỏi trong thâm tâm mà không rõ tánh chất nó. Không còn hy vọng gì nữa. Người Thiên-chúa giáo nói : « Nơi đâu không còn hy vọng : nơi đó là cơ hội của Chúa ». Người Thiên-chúa giáo phân tách Chúa với con người, họ nói đến mất hy vọng và cơ hội của Chúa. Nhưng theo lối xét sự vật của Đông-Phương chúng ta không xét đến thế giới hiện tượng. Đức Phật không có thì giờ để bàn đến những lý luận như thế. Ngài chỉ đang khao khát mà không có gì giải được khát vọng đó. Khi trạng thái đó xảy đến người ta thoát ra cái ý thức bình

thường và tánh tương đối của nhận thức. Đức Phật đã quá bận tâm với cái khát vọng đang nung nấu đến nỗi Ngài đã quên cái bản thân mình trong cuộc tìm tòi và trở thành sự tìm tòi. Sự tìm tòi không còn cách biệt với Ngài chút nào cả. Ngài chỉ còn cảm thấy một sự khát vọng và vì vậy đã nhập làm một với cái khát vọng. Điều Ngài suy nghĩ chính là Ngài chứ không còn là tư tưởng của Ngài nữa.

Cố nhiên không phải là Ngài đã nói ra tất cả những điều tôi đã trình bày ; ấy là tôi đã thuyết minh và diễn đạt như thế. Khi trạng thái ý thức xảy ra như thế, tư tưởng đạt đến một chỗ đồng nhất, một sự thăng bằng, hay nói đúng hơn, một sự đồng tánh. Danh từ « thăng bằng » ám chỉ đại đa số sự vật và sự đều đều của chúng nó, nhưng trong trường hợp Đức Phật không nên hiểu nghĩa thăng bằng như thế. Thăng bằng ở đây là sự hóa đồng tánh chất. « Hòa đồng » cũng không phải là danh từ thích

hợp nữa nếu chúng ta hiểu rằng những vật này hòa lẫn những vật kia. Đối với Đức Phật không có sự phân biệt giữa sự đi tìm với cái đích của sự tìm tòi. Ngài đã đắm mình trong một trạng thái đồng nhất tuyệt đối. (Trong khi dùng những danh từ «đồng nhất tư tưởng», «an tâm hoàn toàn», hay là «trạng thái ta-tha-ma-đề» chúng tôi đã giải thích theo tâm lý học.) Nhưng phải có một biến cố nào đó, là sự ngộ đạo, để có thể thực hiện được trạng thái đó. Thành thử mặc dù trong mỗi người chúng ta đều có trạng thái đồng nhất, cũng phải cần có một sự thức tỉnh phát hiện ra, — một chuyển động đặc biệt tức là «biến cố ngộ đạo» hay là «kinh nghiệm ngộ đạo». Khi nó xảy đến chúng ta liền biết chúng ta đang ở trạng thái ngộ đạo. Vì thế người ta đã kể lại rằng khi Đức Phật đạt được kinh nghiệm ấy Ngài liền tỏ sự kỳ diệu của Ngài mà nói rằng là tất cả mọi vật đều có Phật-tánh, tất cả mọi vật, không những chỉ những sinh vật có cảm giác mà ngay đến những đá sỏi, và tất cả những vật gì trong thế giới không ngoại trừ gì cả. Tất

cả chúng đều là Phật nhưng chúng không có ý thức đó. Chúng cần có «biến cố ngộ đạo» để nhận thức được điều đó.

Một Sa-môn kia hỏi vị Sư-phụ: «Tôi có Phật-tánh không?». Vị Sư-phụ trả lời: «không, nhà người không có.» Vị Sa-môn kia mới gan hỏi lại: «Tôi có nghe rằng tất cả mọi vật đều có Phật-tánh... Làm sao tôi lại không có?». Vị Sư-phụ mới trả lời lại: «Phải, những sâu bọ, côn trùng, thú vật, cây cỏ, đá sỏi đều có Phật-tánh, chỉ trừ nhà người.» Vị Sa-môn lo âu gan hỏi thêm: «thế thì tại sao tôi lại không có?». Vị Sư-phụ trả lời: «Là vì nhà người đã nêu ra câu hỏi ấy.» Câu hỏi của vị Sa-môn chứng tỏ vị Sa-môn không ý thức là mình đã hoàn toàn có Phật-tánh. Cái ý thức ấy, sự thức tỉnh ý thức ấy là một biến cố quan hệ nhất có thể xảy ra, và chỉ xảy ra nơi con người mà thôi. Cho nên chúng ta nói rằng mọi vật, kể cả vật chất, đều có Phật-tánh nhưng phải làm người mới thực hiện được.

QUANG-ANH

Trích dịch • Présence du Bouddhisme •
(France-Asie số 153-157)

又是陽回艸對
濃檀香熱處普蒙薰
芟荑亂墜咄休着會
見蓮芩劫外寄

庚子年書

碧峯敬題

Văn Thơ Chữ Hán

Hựu thi dương hồi thảo thọ nồng,
Đàn hương nhiệt xức phở mộng huân.
Thiên hoa loạn trụ quân lưu trước,
Hội kiến Liên Hoa kiếp ngoại xuân.

Dịch

Cỏ cây nhuộm bóng thiền-quang,
Gió đông, mùi lửa chiêm-tàn xa đũa.
Hoa trời đặng mấy mà mơ.
Bùn tanh chẳng vương, còn chờ hoa sen.

Bích - Phong



TỐI hôm ấy cũng như thường lệ, em Hoài-Lan cùng tôi xuống bến ngòi «đầm đạo» để tiêu khiển sau buổi cơm chiều. Trời không trăng sao; mặt nước phẳng lặng in bóng đen ngòm của cây si rộng tán. Tôi đang mài miết ngắm một chiếc thuyền chài lướt dưới những vòm lá rủ bên kia sông và làm sáng lên từng vùng trông rất ngoạn mục thì Hoài-Lan bỗng gọi tôi:

— Này chị xem!

Tôi quay lui và hét lên một tiếng hãi hùng, nhưng sau đó, chúng tôi lại cười như nắc nẻ vì Hoài-Lan đã rút chiếc đèn bấm ra khỏi miệng. Hoài-Lan có sáng kiến thật. Em ngậm đầu đỏ của chiếc đèn «pin» bật sẵn vào mồm (rất dễ dàng, vì chiếc đèn của chúng tôi chỉ bé bằng quả trứng vịt

nhưng đẹp hơn) ở giữa hai hàm răng rồi nhe răng ra hết mức, khiến tôi nhìn thấy cái miệng sâu thẳm và những răng đỏ lòm trông rất ghê rợn, vì nó nổi bật giữa một vùng tối om mờ cả thân hình Hoài-Lan tôi cũng khó trông rõ. Nhất là đầu «tay cầm» của chiếc đèn bấm lè ra khỏi mồm lại thon thon, giống hệt cái lưỡi của một con quỷ sứ đang lè ra, tuy tôi chưa thấy quỷ bao giờ.

— Chị làm thử xem.

Tôi làm như Hoài-Lan ban nãy và nán lại gần mặt em thì quả nhiên em cũng rú lên một tiếng mặc dù đã phòng bị sẵn. Chúng tôi còn làm lại thí nghiệm ba, bốn lượt mà cảm giác kinh hãi vẫn không giảm bớt, khiến chúng tôi khoái chí vô cùng với cái

sáng kiến « rùng rợn » ấy.

— Mình đi dọa chơi.

Chúng tôi trở lên, định tắt đèn nhà bếp để nhát chị giúp việc mới nhớ lại rằng chị đã về làng ăn giỗ từ chiều. Hoài-Lan không chịu thua, dàn ngay trận khác:

— Ra ngõ đường bên. Giờ này thỉnh thoảng còn có người đi giặt rửa, dễ lắm.

Phía bắc nhà tôi có một con đường hẹp dẫn xuống bên công cộng; hai bên đường cây cối sầm uất. Đặc biệt nhất là cây vông trước ngõ nhà tôi, vừa cao lại vừa sum sê lá mà một dạo người ta đã đồn đại rằng có cả tinh « ù ù » ru con ở trên đó.

Ra đến ngõ, Hoài-Lan ngậm chiếc đèn bấm vào mồm và nhe răng như ban nãy, đứng sát vào cây vông. Sau khi đã dặn dò kỹ lưỡng Hoài-Lan đứng dọa, tôi tiến đến gần để quan sát. Hoài-Lan đứng trên một phiến đá lớn dưới gốc cây, nên trông người em cao lênh khênh. Phải là một con quỷ dạ-xoa mới cao được đến như thế! Xung quanh tối đen; đứng cách hai thước không thấy rõ hình người, chỉ một cái miệng sáng rực đang nhe răng, lè lưỡi. Hoài-

Lan trao đèn cho tôi, và cũng không quên dặn tôi đừng hú vào mặt em khi em đến gần. Em cần thận ra hẳn ngoài đường hẻm để giả làm người đi từ đường cái xuống, xem cảnh tượng có thực ghê rợn không. Tôi bước lên phiến đá, ngậm đèn vào răng và hồi hộp cảm thấy mình đang giống hệt một con ma thật. Nhưng bỗng Hoài-Lan đến níu lấy tôi cười rử, khiến tôi sực nhớ là thay vì ngậm đầu đèn đỏ, tôi đã ngậm vào đầu tay cầm, thành ra tôi chẳng có vẻ gì là đáng sợ! Chúng tôi cùng cười lẫn ra, nhưng cũng vừa kịp để hăm ngay chuỗi cười lại vì đằng xa có tiếng người đi đến. Hoài-Lan giật lấy đèn bấm, bước lên phiến đá để làm quỷ, còn tôi thì đứng ần vào sau hàng dâm bụt. Hoài-Lan cổ hết sức nhe nanh...

— Xoảng!

Chúng tôi « biến » vào sau hàng rào và chạy một mạch vào nhà, để lại với bóng đêm dày đặc tiếng chén bát chạm nhau vỡ loảng xoảng... Tôi bắt đầu hối hận và nghĩ đến nạn nhân của cuộc chơi quá ác vừa rồi. Khó mà đoán biết là ai được, vì trong xóm biết bao nhiêu đàn bà, ọn gái, trẻ con.

Chúng tôi đi vòng phía cửa
thông vào phòng học, và
ngồi lặng ở đấy. Giây lâu
Hoài-Lan chép miệng:

— Nếu má biết được.

— Ừ, nếu má hay được,
chúng mình không khỏi bị
rầy. Nhưng tội nghiệp quá,
Hoài-Lan có nghe bất chén vỡ
rất nhiều không?

— Nhiều thật. Làm sao mình
bồi thường cho họ?

Tôi bật cười?

— «Quý» làm gì có tiền mà
bồi thường? Và họ biết được
thủ phạm, họ đánh chết không
cần mời phù thủy.

Sáng tinh sương hôm sau
bác Miên — một người đàn
bà nghèo ở trước đường —
chạy hớt hải vào tìm má tôi,
sựt sựt khóc và kêu lè:

— Bà ơi! Đêm qua con Bé
nhà cháu đi rửa bát dọn bún,
nó «lại» gặp ma ở cây
vông! Khô quá, người ta đã
đồn mà cháu không tin. .
Nó vút cả chục bát muống
vỡ nát rồi chạy về run bầy
bầy, mặt cắt không còn hột
máu...

Chúng tôi ngồi trong phòng
học giật mình nhìn nhau:
Con Bé! Nạn nhân là con

Bé mà chúng tôi thương nhất
xóm, vì nó rất hiếu hạnh và
nết na nhất trong đám đồng
con gái quê mùa thiếu học ở
đây. Lòng tôi nổi lên một
niềm xót thương vô hạn vì
đã biết cảnh nghèo túng của
gia đình Bé, và càng hối hận
khi biết rằng chỉ vì một trò
chơi nghịch ngợm của chúng
tôi mà bác Miên đã phải bỏ
mất một buổi làm ăn.

— Cháu buồn quá bà ạ,
sáng nay cũng không thiết
đi bán thịt để bán bún nữa.
Bà tính, vốn liếng chỉ vồn
vẹn có vài trăm bạc và một
chục bát muống, bây giờ nó
«bán rẻ» cả rồi, đào đâu
cho ra tiền mà mua sắm bát
muống mới, bà ơi!

Tiếng má tôi thủng thình nói:

— Chị phải dạy con cho
nó biết tự chủ! Mình chính
thì không khi nào lại sợ tà.
Ma hay quỷ gì cũng là ở tự
«tâm» của mình mà ra cả,
chị có biết thế không? Tôi,
thì tôi cho cha con thằng
Lấp (một gia đình sở trường
về ăn trộm vặt) là ma đó.
Những loài gian xảo, tà vạy
tuy sống làm người mà cũng
như là ma quỷ. Tội nghiệp!
Đã nghèo cực còn đi sợ hão
huyền, cho đến nỗi...

Bác Miên khóc oà :

— Dạ! Bà thương cho chúng cháu...

— Lan ơi!

— Dạ.

Em Hoài-Lan vội vàng chạy ra.

Má tôi hỏi bác Miên :

— Con Bé nó biết chữ đấy chứ?

Đã quen tính má tôi nên bác Miên không tỏ vẻ gì là « nóng ruột ».

Bác đáp:

— Dạ có biết. Cháu có đi bình-dân học-vụ.

Má tôi bảo Hoài Lan:

— Con lấy giấy bút, biên cho nó bài chú Chuẩn-Đề. Tội nghiệp! Bởi nó không vững tâm, không biết Phật, đi ban đêm thì cứ tưởng rất toàn những chuyện ma quỷ ..

Em Hoài-Lan vào phòng học, « vác » bút giấy ra chép bài chú Chuẩn-Đề. Chúng tôi không khỏi cười thəm trong lúc lòng vẫn nặng một niềm hối hận không biết đến bao giờ mới cởi mở xong...

Bên ngoài tiếng má tôi lại « dạy » bác Miên:

— Chị bạo nó niệm đức Chuẩn-Đề Bồ Tát, khi nào ban đêm thấy cái gì « khác thường » thì niệm cho vững tâm. Đôi khi con mắt mình nó thấy cái cây thành ra con người, rồi do tâm không vững mà suy ra vạ chuyện. Đã biết Phật thì không bao giờ lại sợ ma quỷ. Mình lo ăn ở cho trung hậu, ngay thẳng, còn thì không nên sợ gì cả. Chị thấy không, mỗi lần hốt hoảng là có hại như thế ..

Bác Miên lại sỵt sỵt:

— Dạ thưa bà, mắt hơn trăm bạc tiền bát muống...

— Con cháu tôi, tối nào cũng niệm Phật nên chẳng sợ ma quỷ gì. Chị tính, người ta cứ đồn đại cây si bên tôi nào là có tinh ru con, ma xớ tóc... , thế mà chúng nó vẫn đi tắm khuya có thấy gì đâu. Chẳng qua cái tà tâm của mình nó thấy thành ma quỷ đấy thôi, chị ạ.

Em Hoài-Lan đã chép xong bài chú Chuẩn-Đề đem ra. Có tiếng má tôi mở tủ rồi nói với Bác Miên:

— Chị đem bài chú về cho nó học. Còn đây tôi cho chị mượn đỡ trăm bạc, chừng nào kéo lại được tiền bát

muống lại đem trả.

Chúng tôi chỉ đợi có câu ấy, cũng sốt ruột có lẽ còn hơn bác Miên. Bác mừng rỡ đến phát khóc:

— Lạy Phật! Dạ ơn bà cứu giúp cháu, bao giờ cháu dám quên.

Đợi bác Miên ra khỏi, Hoài-Lan thú tất cả với má tôi. Người rầy chúng tôi một cách ôn tồn và... dễ thương, trái hẳn với sự tưởng tượng của chúng tôi nên mặc dù buổi «diễn thuyết» của người có hơi dài, chúng tôi vẫn bền lòng chăm chỉ ngồi nghe đề tựa Phật cái tội nghịch ngợm.

— Các con chơi như thế, lỡ gặp phải đũa yếu tim nó ngã ra chết đó phải là mình mang tội sát nhân không. Làm việc gì phải nghĩ đến kết quả tai hại của nó. Các con học Phật, há lại không biết «thí vô úy» là gì? Mình không có tiền cũng có thể bố thí bằng pháp; không có thể bố thí pháp, còn được thí vô-úy. Làm cho người ta hết sợ hãi cũng là một cách bố thí! Các con đã không thí vô-úy lại còn đi dọa dẫm người ta, thế có xấu hổ cái danh Phật tử không.

Hoài-Lan sốt ruột muốn «kết-luận» nên em mở lời một cách khôn khéo:

— Thưa Má, thế bây giờ tiền bát muống ấy làm sao thường cho bác ta?

— Chùng nào chị ấy đem trả, má sẽ cho lại.

Giải pháp ấy, Má tôi cho là ổn thỏa nhưng chúng tôi thì không thấy ổn chút nào. Chỉ nghĩ đến lúc Má tôi sẽ «cho lại» và bác Miên cảm ơn rồi rít, tôi cũng đủ thẹn thẹn trong lòng. Chúng tôi đã làm vô tội danh, lẽ nào lại nhận ơn một cách ồn ào như thế?

Chiều hôm ấy em Hoài-Lan cùng tôi bàn tính suốt buổi để tìm cách trả lại tiền bát muống lặng lẽ như chúng tôi đã làm quỷ âm thầm. Chúng tôi quyết định hy sinh trăm rưỡi tiền may áo và tối đến sẽ hành mưu...

Chín giờ tối. Chúng tôi giả vờ ra đường cái hóng mát, mang theo trăm rưỡi bạc, tất cả vốn liếng của chúng tôi.

— Giờ này hẳn nhà bác ta ngủ kỹ cả rồi.

Quả thật thế. Trên chiếc giường tre rộng ban ngày dùng để dọn hàng, mấy mẹ con bác Miên nằm ngổn ngang. Tám phen liếp chống cao lên để hóng gió, vì khí trời nóng nực. Họ ngủ một cách thái bình. Hoài-Lan bấm tôi nổi nhô:

— Bây giờ bỏ vào đâu nhỉ.

Chúng tôi chọn ngay khoảng trống giữa bác Miên và Bé nằm để ném hai tờ giấy bạc vào. Xong đâu đấy, Hoài-Lan cùng tôi khoan khoái trở vào nhà như vừa rũ sạch nợ. Đến nhà, chợt nhớ ra tôi mới giật mình: nhớ mai sáng, bác Miên chưa ngủ dậy, bọn bán mì đi sớm nó lấy mất còn gì? Tôi ngó ý ấy với Hoài-Lan, em cũng lấy làm lo.

— Này chị, chúng mình ngu quá. Tại sao không ném ngay vào nhà trong?

— Ừ nhỉ, mình ngu thật. Nhưng muộn rồi.

Hoài-Lan nóng nảy muốn ra lấy lại tiền để ném vào trong nhà, chắc chắn hơn. Tôi can mãi em mới bỏ ý định ấy.

— Nhỡ bác ta trở dậy thì làm thế nào, việc chúng mình sẽ hỏng cả.

Tối hôm ấy chúng tôi không tài nào ngủ yên, cứ lo vợ vẫn việc bác ta sẽ không nhận được tiền. Trời mờ sáng Hoài-Lan đã nhóm dậy:

— Chị ạ, hay chúng mình ra canh chừng bọn bán mì..

— Thôi! Làm gì dụng công thế, bác ta thấy mình sẽ đâm ngigh ngay.

Một tuần sau, bác Miên đem tiền trả má tôi. Ngồi trong phòng học, tôi nhìn Hoài-Lan

cười sung sướng. Mọi khi bác Miên thường nợ Má tôi rất lâu, hằng hai ba tháng, nay sao lại trả chóng thế? Hẳn là bác đã nhận được tiền rồi. Nhưng Hoài-Lan còn chưa tin, em hỏi nhỏ:

— Nhưng sao bác ta không trả ngay sáng hôm ấy?

— Trả làm gì vội. Có lẽ bác ấy không muốn má biết đến món tiền «trời cho» kia. «Thôi! Giữ lấy mà làm vốn», câu ấy Má tôi nói trước đã mấy phút mà tôi vẫn còn nghe dư âm vang lại trong chuỗi cười dòn tan của bác Miên. Tôi cũng bước ra góp vui; bác Miên thấy tôi thì niềm nở:

— Ối chào! Chị! Bà cho thẳng tôi trăm bạc, thật tôi đội ơn bà như trời bể. Cám ơn chị nhé, chị chép bài kinh gì cho con Bé tôi nó cũng đã thuộc rồi.

— Em Hoài-Lan chép đó. Ơn huệ gì, chúng tôi cũng cám ơn bác.

Bác Miên lại cười xòa: «Chị bao giờ cũng đùa»

Má tôi cũng cười, và chúng tôi cũng cười theo dòn dả. Trong chuỗi cười của mỗi người đều có ẩn một điều thâm kín. Nhưng có lẽ cái cười của chúng tôi là bí mật hơn cả.

KHỒ

«Thế-giới không an, in như nhà lửa»

Kinh Pháp-Hoa

I. — KHỒ LÀ GÌ ?

CHỮ « Khồ » trong Phật-pháp có một giới nghĩa rất rộng rãi, bằng sự định nghĩa là « không thích ý » và định nghĩa ấy được diễn đạt là bức bách thân thể và tâm trí ». Theo quan-niệm thông thường thì khổ vì tai họa, vì đói khát, nhưng quan-niệm ấy quá thiếu sót, bởi tai họa đói khát có khi không có ý nghĩa nữa với một người giàu nghị lực. Nhưng ngược lại, kẻ tầm thường thấy sự hưởng dụng đầy đủ là không khổ, mà kẻ có lòng thì khổ sở vì dân tộc bạc nhược, loài người tranh nhau. . .

Cho nên « khổ » là tùy theo quan-niệm : cái gì không thích ý là khổ.

II. — KHỒ CÓ MẤY THỨ ?

Bởi vậy, khổ có ba thứ sau đây :

Khồ khổ : Những khổ sở chồng chất trên khổ sở. Thân thể đã bị áp-bức bởi sự già yếu, bệnh tật và tử vong rồi mà còn bao nhiêu những khổ khác nữa chồng chất lên cái thân khổ ấy : đói khát, lạnh nóng, tra khảo, đánh đập . . .

Thế giới con người đã khuyết diếm do khí hậu không điều hòa, bão tố gây mất mùa làm đói khát, lại chồng chất thêm trên thế giới khuyết diếm ấy những tai nạn chiến tranh, lung đoạn kinh tế...

Hoại khở : Phối hợp với khở khở, còn bao nhiêu vui sướng bị phá sản nữa, làm khở con người: như luyện ái thất bại, tiền tài phá sản, danh vị thất vọng.

Hành khở : Cuối cùng vũ trụ chuyển biến, đời sống đời đời, con người không còn chỗ nào đứng vững chân trong một đơn vị nhỏ nhất của thế gian, chớ đừng nói một kiếp người ngắn ngủi.

Khở vì khở chất lên khở, vì khở sung sướng phá sản, khở vì tất cả vô thường, đời sống con người quả là đời sống được gâp ra và tồn tại trong một bề khở.

III. — ĐỜI LÀ BỀ KHỞ.

Thần lửa đang ngự trị thế giới loài người chúng ta. Do những duyên có trẻ con — những câu nói của từng cá nhân, những sự tức giận của từng cá nhân, người ta động viên loài người đánh nhau. Chúng ta đang sống trong sự bao phủ của tử khí. Ở đâu chúng ta cũng ngửi thấy mùi vị đánh giết và chết chóc. Nhưng khở sở hơn nữa là luôn luôn chúng ta bị động viên vào những sự tàn sát bằng những danh nghĩa như có danh nghĩa mà sự thật chúng ta không tìm thấy danh nghĩa ấy đáng danh nghĩa. Chúng ta đang hy sinh, làm vật thí nghiệm một cách vô lý cho những kẻ giả tâm muốn làm lãnh tụ. Chưa có một sự tranh đấu nào có ý nghĩa thật thà là vì « lợi ích chung » cả. Tất cả khở sở chúng ta là ở đó.

Chúng ta quả đang ở trong một bể khổ rộng và sâu chưa từng thấy. Trong khi chúng ta bị động viên, bảo vì tự do và sự sống, thì chính sự sống và tự do chúng ta bị động viên rồi vậy !

Nhưng đời là bể khổ như thế là chỉ mới nhìn có mặt nạn đao binh, còn nạn bão lụt, nạn động đất. Phối hợp với nạn không còn tin tưởng, lý thuyết hỗn loạn nữa. Than ôi ! vũ trụ có thứ chi phát thanh to nhất, xé được làn không khí ảm đạm, để chúng ta mượn mà hét lên cho đỡ ngột thở ?

IV. — NGUYÊN NHÂN VÌ ĐÂU ?

Nguyên nhân đau khổ là gì ? Có những người duy tâm bảo vì Thượng-đế trách phạt, có những phái duy-vật bảo vì kinh tế lũng đoạn. Nhưng sự thật ở đâu cũng chỉ do con người. Con người gây ra khổ, rồi bảo vì thế này vì thế khác, là nói cho có cớ để mà làm : muốn gây khổ nên vin cho có cớ để mà gây. Bao giờ con người còn bảo vì nguyên nhân này, bởi lý do khác, là chính con người đang cố tình kiếm chuyện mà gây khổ vậy — Và chính đó là nguyên nhân của thế giới đau khổ hiện tại. Ai khởi hấn với nhau ? Ai tranh chấp với nhau ? Ai bóc lột ai ? Ai lũng đoạn ai ? Ai, nếu không phải con người với con người.

V. — NHƯNG KHÔNG PHẢI BI QUAN

Đời là bể khổ như thế là một sự thật rõ ràng, sự thật là như chúng ta đang khổ sở đây. Vậy mà có những kẻ lạc quan, kẻ ấy cố tưởng tiếng đời nợ là những tiếng oanh kêu, những cử chỉ ấy chỉ mới là cử chỉ khả ố, chứ cử chỉ họ còn độc ác hơn nữa : họ cười cợt trong tiếng than của nhân loại. Họ bảo kẻ nào cho đời « khổ » là bi quan,

chính điều ấy chúng tỏ ra họ đang gây khổ cho loài người chúng ta.

Nhưng kẻ lạc quan đáng trừ đã đành, mà bị quan lại càng đáng bỉ hơn: bị quan chỉ có nghĩa là bằng lòng để cho người tung hoành, lợi dụng sự sống của chúng ta để tàn sát sự sống của chúng ta.

Sự thật, khổ nào đã do con người tự gây ra thì tất nhiên con người có thể tự hủy diệt. Con người muốn là được.

VI. — CON NGƯỜI MUỐN LÀ ĐƯỢC

Vụ trụ không thật, đau khổ hư giả, con người gây ra tất cả thì con người tiêu trừ tất cả. Con người gây ra đau khổ rõ ràng như phóng lát grom giết người. Con người trừ diệt đau khổ cũng rõ ràng như thu lút grom lại là người sống. Con người muốn là làm được. Không có chi qua bàn tay con người trong khi con người là ông chủ của tất cả mọi vấn đề trong thế giới loài người.

Phật-pháp không thể dùng đau khổ được. Chính vì đau khổ mới có Phật-pháp. Từ bi, trí huệ, hùng lực của Phật pháp đi đến đâu, tàn sát, manh động, hèn nhát tiêu diệt đến đó. Thần lửa trước Phật-pháp chỉ như ngọn đuốc dưới mặt trời. Quay về Phật-pháp, con người có thể thấy ánh sáng rực rỡ. Khế kinh có câu: khổ hải vô biên, hồi đầu là bến.

Thích THUYỀN - MINH

HỘP THƯ *Trân trọng kính lời cảm ơn quý Đại Đức Tăng-Ni và quý Đạo hữu trong nước và ngoài nước đã hoan hỷ gửi bài vở đăng Liên-Hoa. Vì số trang có hạn nên chúng tôi phải theo thứ tự lần lượt chọn đăng vào các số tới. Còn 4 một số bài vì một vài lý do không thể đăng được, xin miễn trả bản thảo. Mong quý vị thông cảm.*

Chúng tôi sẵn sàng tiếp đón bài của quý vị.

LIÊN-HOA

NIỀM AN-TĨNH

TRÔNG LÒNG

Dưới đây là bài giảng của Đại-đức GIBUN KIMURA với đầu đề « INNER PEACE », giảng tại Đại-học-đường Michigan ở Mỹ-quốc, đăng trong báo Phật-giáo « OUR ASPIRATIONS ». Tôi xin dịch gửi về để công-hiến quý-vị Phật-tử ở nước nhà.

Thuật-giả MICHIKO KOIDE

Dịch-giả Thích THIÊN-ÃN

Hôm nay, tôi cũng xin tiếp tục nói về vấn đề: « Vì sao chúng ta cần phải có tôn-giáo ». Nhưng trước khi đi sâu vào vấn đề, ở đây tôi xin nói qua một vài điểm trọng yếu trong những kỳ giảng trước để quý vị mới đến hôm nay được thông cảm.

Con người có 3 cách sống: sống theo trực-giác bản-năng, sống hợp lý hợp tình và sống đời sống phù hợp với tâm-linh. Sống theo trực giác bản năng tức là sống như đời sống của loài vật, đói thì ăn khát thì uống, sống hợp lý hợp tình tức là sống một đời sống phở

thông tâm-thường, không quá cao mà cũng không quá thấp, như đời sống của mọi người thế gian đang sống. Đời sống ấy mặc dù không có gì xấu-xa tội-lỗi đối với ý nghĩa của sự sống, nhưng nếu suy-nghĩ kỹ thì đời sống ấy không phải là đời sống hoàn toàn và có giá trị. Vì lẽ ấy nên chúng ta cần phải có cách sống thứ 3: Cách sống phù hợp với tâm-linh. Đời sống chúng ta phải được nâng cao và rèn-luyện theo cách sống phù-hợp với tâm linh ấy. Chúng ta xây dựng một đời sống cao-thượng, hoàn toàn có ý nghĩa, không những cho tự thân chúng ta,

mà đến cho cả mọi người, mọi vật ở trong thế-giới vũ-trụ này.

Đề diễn-tả một cách dễ hiểu về 3 cách sống ấy, trong kỳ giảng trước tôi đã đưa ra một thí dụ về 3 cách ăn khác nhau của loài người. (3 cách ăn ấy là : 1) Đói là ăn, ăn bất cứ lúc nào và ở mọi chỗ. 2) Ăn có điều độ, đúng thời và hợp chỗ. 3) Vừa ăn vừa suy-nghĩ cảm tạ đối với những người và sự vật chung quanh. Cách ăn thứ 3 này là cách ăn có ý nghĩa của người Phật-tử). Hôm nay, tôi hy-vọng sẽ trình bày về vấn đề : Làm thế nào để chúng ta có thể sống theo với đời sống phù-hợp với tâm linh, cách sống duy-nhất có thể đưa chúng ta đến chỗ hạnh-phúc, an-tĩnh hoàn-toàn trong lòng.

Đề đi đến mục-dịch cao đẹp ấy, các bạn ở đây mỗi người hãy tự thực hành lấy. Chúng ta đừng hy-vọng chừng-nghiệm và hiểu biết cuộc sống an-tĩnh ấy qua những phức-tạp phiền nhiễu bên ngoài. Các bạn mỗi người hãy tự lập nên một mục đích mới, một chương trình hành động mới cho cuộc đời của các bạn,

miễn là mục-dịch mà chương trình ấy có thể đưa đời các bạn đến chỗ cao hơn, hoàn toàn hơn. Hằng ngày bạn hãy suy nghĩ xét-nghiệm và tự chất vấn lấy mình những câu hỏi tương tự như sau : Tôi là ai ? Con người là gì ? Cuộc đời là như thế nào ? Có phải ta đang sống trong cách sống theo trực-giác bản-năng không ? Đời sống của ta có phải hoàn-toàn không có tội lỗi không ? — Chúng ta thường tự nghĩ : chúng ta là những con người tốt trong xã-hội, vì chúng ta không phạm những lỗi lầm của luật pháp do quốc-gia và xã-hội ấn định. Nhưng thật tình, chúng ta nên tự hỏi : Có phải chúng ta là những người tốt không ? Có thật chúng ta chưa bao giờ can-thiệp xâm-nhập vào đời sống của người khác không ?

Tự đặt ra những câu hỏi như trên, rồi tự xét nghiệm lấy bản thân của mình, chúng ta phải thành thật mà thú nhận rằng : Chúng ta chưa hiểu mình và chưa hiểu cuộc đời là bao nhiêu. Chúng ta thường bảo con người sống trong tự do bình-đẳng. Nhưng sự thật có phải hoàn toàn tự

do trong đời sống của con người không ? Có phải xã-hội loài người là thật sự bình-đẳng không ? Sự thật của cuộc đời chứng minh một cách trái hẳn.

Như những nhà lãnh-đạo danh tiếng quốc-gia, những người có tên tuổi trong các công việc hoạt-động của xã-hội, chúng ta chỉ biết có thể chứ không biết đến những gì đã xảy ra, đã được áp dụng sau bức màn bí-mật để cấu tạo thành những nhân-vật ấy. Chúng ta đi sâu vào cuộc sống bao nhiêu, chúng ta lại càng nghi-ngờ bấy nhiêu. — Phải chăng mọi sự mọi vật ở đời là ở trong trật-tự, hòa-bình và an-hảo ?

Nhưng thôi, xin gạt ra ngoài những vấn đề có liên-quan đến xã hội và sự vật bên ngoài. Ở đây, chúng ta hãy tự suy tìm lấy trong thân tâm của chúng ta. Chúng ta sẽ thấy gì trong ấy ? — Chúng ta đã sửa soạn lại hành động bề ngoài cho đẹp, trau chuốt lời nói cho hay. Nhưng mà ở bên trong của chúng ta đã nghĩ những gì ? Chúng ta đã giả-

vờ làm khoan-hồng lịch-sự trong khi giao thiệp với kẻ khác. Chúng ta vui mừng khi nghe người khác khen-ngợi mình, nhưng thật tình chúng ta có đủ tư-cách để nhận những lời khen ấy không ? Chúng ta kính yêu cha mẹ, tôn-trọng kẻ bề trên, cười đùa vui thuận trong khi giao dịch với bạn bè, nhưng trong lòng của chúng ta có phải luôn luôn như thế không ?

Chúng ta suy-nghĩ và tự hỏi những câu hỏi như thế thì chúng ta có thể tự thấy rằng : Chúng ta rất khó lòng mà lặp lại những câu thành-ngữ xưa sau đây một cách không bỏ ngỡ sượng-sùng : « với danh dự của tôi, tôi xin nói tất cả sự thật » hoặc : « Tôi không có gì đáng lo sợ, vì tôi là người đức hạnh ». Những lời ấy có thể đúng với luân lý đạo đức của xã-hội và đúng với sự giao dịch hằng ngày giữa người và người. Nhưng nếu nhìn sâu vào lòng người, chúng ta thấy nó không tốt

đẹp như những gì đã biểu hiện ra bên ngoài. Trong khi chúng ta tự củ soát lại ở trong chúng ta, trước hết chúng ta phải thừa nhận rằng: mặc dù chúng ta luôn luôn sẵn lòng chỉ trích những khuyết điểm ở nơi hành-vi cử-chỉ của kẻ khác, nhưng cho đến bây giờ những khuyết điểm của chúng ta bao giờ cũng nhiều hơn những khuyết điểm đã được chỉ-trích ấy.

Chúng ta thường nghĩ: họ là những người không đáng kể, nhưng thật tình chúng ta lại là những người không đáng kể hơn kẻ khác. Rằng họ là những người hay vu khống dèm pha, nhưng chính chúng ta là những người hay vu khống dèm pha hơn họ. Rằng họ là những người bạn không thành thật, nhưng chính chúng ta là những người không thành thật trong tình bạn.

Con người thường hay phàn nàn và chỉ trích những sơ ý, những lỗi lầm của kẻ khác mà quên nghĩ đến những khuyết điểm ấy ở nơi mình

Đây tôi xin dẫn ra một thí dụ: Một người đàn bà đang nói xấu người láng giềng với người bạn gái của mình. Trong khi nói chuyện với bạn, cô ấy đưa mắt liếc nhìn qua song cửa sổ đến sân sau của người láng giềng rồi phàn nàn với bạn: «Này bạn, nhìn xem miếng vải nhóp như thế mà treo đùng đưa trên giây áo quần. Người gì mà vụng về, bướng bỉnh đến thế. Tôi không thể nhìn cảnh ấy được. Thế mà lạ lùng làm sao, chồng người ấy không la rầy quở mắng gì cả.» Nghe xong bạn cô ấy liền nhìn qua song cửa sổ, rồi mỉm cười mà nói rằng: «Nhưng mà bạn này, nếu bạn nhìn kỹ thì không phải là miếng vải ấy nhóp, mà chính là: Cửa sổ của bạn cần phải lau chùi». Thí dụ ấy cho ta thấy: không phải chỉ phê bình chỉ trích kẻ khác, mà những việc ta làm, ta thường hay phạm vào cái lỗi như người đàn bà trong

câu chuyện này, nghĩa là chỉ nghĩ đến khuyết điểm của kẻ khác mà quên nhìn ở mình.

Và đây, một câu chuyện thứ hai, tôi xin kể sơ lược để giới-thiệu với quý bạn. Có một người đàn ông đầy lòng thành-kính tín-niệm. Ông ta thường đến chùa lễ bái và nghe giảng kinh, mỗi khi có lễ lược, hoặc thời giờ rảnh rỗi. Con trai của ông là một sinh viên đang học ở một trường Đại-học danh tiếng. Người con ấy thường ngăn cản, không thích để cha mình luôn luôn đi chùa nghe những lời thuyết-pháp của vị giảng-sư Trụ trì của chùa ấy. Bởi vị vị giảng-sư ấy thường nói : « Người là một vật yếu hèn và ích kỷ. Không có gì tốt đẹp trong con người ». Chính đó là những lời mà người con ấy không thích. Anh ấy tự nghĩ rằng : Con người là chúa tể của sự vật. Tại sao có thể nói : con người là vật yếu hèn, ích kỷ không có giá trị và đầy tội lỗi ?

Một ngày nọ, trong khi người con đang viện đủ mọi cơ để ngăn cản không để cha đi chùa nghe những lời thuyết pháp ấy. Người cha mỉm cười mà bảo con rằng : « Vàng, cha sẽ vui lòng không đi nữa ; nếu con hứa với cha một điều : Ở trong một tuần con sẽ ghi chép vào sổ tay tất cả những việc làm của con, tất cả những lời nói của con, và tất cả những ý nghĩ, tư-tưởng của con. Sau một tuần, con ghi chép vào sổ tay tất cả mọi vật ấy, không che dấu quên sót một điều gì rồi đưa quyền sổ tay ấy cho cha xem. Nếu con có thể vui lòng làm như thế thì cha xin thề với con không bao giờ đi chùa nữa.

Nhưng nếu con không thể đưa cho cha xem quyền sổ tay ấy, tức là con thua cuộc và phải đi chùa với cha. Nào, bây giờ chúng ta hãy chờ xem ai là người được cuộc trong lời ước hẹn này »

Người con không hiểu thấu mục-dịch sâu kín của cha, liền

lớn tiếng mà bảo rằng : « Ở việc ấy thì không khó-khăn gì. Con sẽ thắng cuộc và cha không được đi chùa nữa. Tốt lắm, con sẽ chép vào sổ tay tất cả việc làm, lời nói, ý nghĩ của con, không che giấu một sự gì cả và đưa cha xem ».

Bốn ngày sau đó, trong khi người cha đang quý trước bàn thờ Phật ở trong nhà để tụng kinh buổi sáng, người con đến và lặng-lẽ quý sau cha, lắng nghe những lời kinh huyền-diệm. Tụng kinh xong, người cha quay mặt về phía con như có ý tìm hỏi thử sự gì đã xảy ra. Người con thưa rằng : « Thưa cha, đúng như lời hứa với cha, con đã chép vào sổ tay tất cả mọi việc hằng ngày, cho đến tối hôm qua. Tối hôm qua con đã đọc lại những gì đã ghi chép vào trong ấy, và trong đó không có một trang nào con có thể đưa cha xem mà không hổ thẹn được. Con phải giữ kín nó. Con không bao giờ, không bao giờ có thể đưa cho một người khác xem, dù người

ấy là cha. Vì thế con đã đốt cuốn sổ tay ấy tối hôm qua. Như thế là con thua cuộc, con xin theo cha đi chùa kể từ ngày hôm nay ».

Khi con người chịu khó suy nghĩ và xét nghiệm lại việc làm, lời nói và ý-nghĩ của mình, họ thường nhận thấy có nhiều cái làm cho họ hổ thẹn khi bày tỏ sự thật với kẻ khác. Chúng ta có lẽ ai cũng còn nhớ rõ : lúc còn nhỏ hề ta phạm vào điều lỗi gì, ta thường xấu hổ không dám đưa mặt ra để nhìn mẹ. Chúng ta cúi mặt xuống, không dám ngẩng lên vì hổ thẹn và sợ người khác thấy. Cho nên nếu chúng ta thật tình nhìn vào trong chúng ta, cố gắng tìm hiểu những việc làm, lời nói ý nghĩ của chúng ta, rồi chép vào trong cuốn sổ tay thì chúng ta sẽ thấy ; chúng ta là những người ích kỷ, hẹp hòi và đầy tội lỗi. Chúng ta sẽ tự thấy trăm ngàn lần hổ thẹn đối với bản thân của chúng ta

Khi chúng ta đã hiểu rõ lòng thương của chúng ta ra đến mọi người mọi vật xung quanh và để cảm tạ hồng-ân giáo hóa của Ngài. Cảm tạ hồng-ân giáo hóa của Ngài bằng cách niệm đến danh hiệu của Ngài, nghĩ đến hạnh-nguyện lợi tha của Ngài để đoạn trừ dần lòng vị kỷ của mình. Niệm Phật tức là phương pháp mở rộng lòng thương, giao-hòa thông cảm với đức Phật trong lòng từ bi rộng lớn, trong hạnh nguyện lợi tha của Ngài. Chính trong giờ phút ấy là giờ phút chúng ta đang sống trong niềm an tịnh hoàn-toàn của chính lòng mình vậy.

DÍNH CHÍNH

*Liên - Hoa số 12, bài **Giờ-Thành-Đạo** trang 12.*
*« Phật rõ mắt cua » xin đọc là **RỎ** mắt cua »*
*« Xác cua hoa Phật » xin đọc là « Xác cua **HÓA** Phật. Bài **Vào ra một Sát NA.***
*« Sang đêm cảm » xin đọc là **SÁNG** đêm cảm »*
*« Pháp chư huyện » xin đọc là « **PHÁ** chư huyện »*
*Lửa huỳnh kià » xin đọc là « **LỬA** huỳnh **KIA** »*

TRIỀU-ĐẠI NHÀ LÝ

CÓ nhiều người thường cho rằng sở dĩ nước Việt-Nam dưới triều nhà Lý và đầu đời nhà Trần sống trong cảnh hưng thịnh của Phật-Giáo vì Lý - công - Uẩn. người mở đầu cho cơ nghiệp nhà Lý nguyên là con nuôi của sư Lý-khánh-Vân ở chùa Cồ-pháp. Đã đành sự tín ngưỡng của vị nguyên thủ của một Quốc gia rất ảnh hưởng đến sự hưng thịnh của một tôn giáo nhất là đối với những ông Vua có những uy quyền tuyệt đối của chế độ quân chủ. Song theo tôi riêng yếu tố cá nhân không thì chưa đủ nó còn do những nguyên nhân khác. Những lý do tôi sẽ trình bày đây thật ra chỉ mới là những cảm nghĩ, nhưng tôi vẫn mạnh dạn trình bày.

Nước Việt-Nam chúng ta có thể xem là được tự chủ kể từ năm 939 với trận chiến thắng về vang quân Hạng của Ngô-Quyền ở Bạch-dăng giang. Nhưng chế độ quân chủ mà nền Đô-hộ Trung-hoa đã chụp lên đất nước chúng ta thật ra là một sự cưỡng ép trong lúc chính bản thân nó chưa đủ điều kiện đề tương ứng với cái hình thức mới mẻ này. Nên cuối đời nhà Ngô, những mầm mống bộ lạc vẫn cố ngoi ngót sống lại với cuộc loạn thập nhị sứ quân. Sau khi Đinh-bộ-Lĩnh đã thống nhất Quốc gia, Lê-đại-Hành đã bồi đắp thêm vững bền nền móng quân chủ thì đến triều nhà Lý, chúng ta có thể xem là thời nở đầu cho thời đại hưng thịnh của Quốc gia. Lần đầu tiên quân đội nhà Lý khởi binh đánh Chiêm-thành, ở trận Tư-mao đã bắt cả vua Chiêm và 5 vạn tù binh khác và cũng lần đầu tiên quân của một tiểu quốc (trước đây 100 năm còn

bị đô hộ) ngan nhiên đem quân sang chiếm châu Khâm (1075), châu Liêm rồi lại vây thành châu Ung. Về tổ chức nội trị chúng ta phải công nhận lòng nhân từ của các ông vua nhà Lý (phát chẩn áo cho tù nhân, miễn thuế cho dân chúng...) về văn học và nghệ thuật hiện nay chúng tuy còn lưu được rất ít nhất là văn học) tài liệu, nhưng một bản kiến trúc thành Thăng long, ngôi chùa một cột những chùa chiền còn lại chứng tỏ một trình độ nghệ thuật rạng rỡ mà đời sau chưa vượt qua hẳn được.

Một Quốc gia hưng thịnh như vậy, một triều đại huy hoàng như vậy đã nảy nở, sinh trưởng trong hương vị của tòa hoa sen, không khí trầm tĩnh huyền diệu của Phật Giáo. Phải chăng vì Phật Giáo đã tạo được một niềm thông cảm chân thành giữa nhà vua và các quan, dân chúng, phải chăng Phật Giáo đã tạo được một không khí an lạc cho xã hội, phù hợp với nguyện vọng độc lập về tinh thần của dân tộc và nhất là nói lên được cái đời sống tâm tình bí ẩn của người Việt-Nam. Nhưng rồi sau triều đại nhà Lý, ở đời nhà Trần người ta thấy các vua Trần đã dần dần đưa địa vị của Nho giáo lên, rồi đến chỗ độc tôn. Vì sao những ông vua nhà Trần vẫn còn sùng bái Phật Giáo mà lại đưa địa vị Nho giáo lên dần? Họ đã tách rời con người hoạt động và con người siêu thoát, hay nói một cách khác vì trong họ đã mất hẳn sự duy nhất giữa con người tín ngưỡng triết lý và con người chính-trị. Nho giáo, như chúng ta nhận rõ không phải là một Tôn-giáo, mà chỉ là một triết thuyết hay cụ thể hơn chỉ là một chủ nghĩa chính trị. Chúng ta hãy giờ lại những trang sử của nước Trung hoa về thời Xuân thu, thì chúng ta tất nhận rõ ngay vai trò của Đức Khổng-Tử với thuyết chính danh của Ngài. Sau khi Ngài mất đi cả đế chế Trung hoa đều được đặt trên cơ sở căn bản là học thuyết Nho giáo. Chúng ta hãy thử

tưởng tượng nếu chế độ quân chủ mà không có học thuyết Nho giáo thì nó sẽ tan rã trong một sớm, một chiều. Cũng nằm trong ý nghĩa ấy, từ đời nhà Trần trở đi, sự cách biệt giữa tầng lớp thống trị và bị trị đã rõ ràng, và không những cách biệt mà nó còn trở nên đối lập (ấy là lúc bắt đầu xuống dốc của chế độ quân chủ), nó tách rời đại đa số quần chúng của nó : Trong giai đoạn này, Phật Giáo không thể nào thỏa mãn được ý muốn lợi dụng đề thống trị được của bọn quý tộc, quan lại. Phật Giáo chỉ có thể tạo những tâm hồn biết từ chối dục vọng, giàu lòng nhân ái ; Phật Giáo chỉ có thể tạo một tương quan bình đẳng, chứ Phật Giáo không thể trở thành một lợi khí thống trị về tinh thần, Phật Giáo không thể nào thỏa mãn cái lòng tham quyền cố vị được, Phật Giáo không thể nào tạo nên một cái giếng mỗi giờ vung tôn ti trật tự phù hợp với chế độ quân chủ phong kiến được. Chúng ta hay lắng nghe bài thơ của sư Không Lộ : (do ông Đình-gia-Thuyết dịch) :

Mây xanh nước biển muôn trùng,

Dầu chen khói tỏa một vùng thôn quê.

Ông chài giấc ngủ đương mê,

Quá trưa tỉnh dậy tuyết che đầy thuyền. . .

Cái không khí bàng bạc của bài thơ như tỏa ra, lan dần mãi, ông chài đã vượt lên trên cả không gian và thời gian để xem thường sự đời. . . Đây những tâm hồn thi-nhân nhà Lý. Người ta hết sức lo xây dựng cuộc đời thực tại, nhưng không xây dựng vì tham dục mà chỉ là để làm phương tiện mưu cầu một công cuộc giải thoát. Tất cả cái ý nghĩa ấy đã được đúc kết lại trong những bài kệ, tuy

rất ít chữ mà ý rất sâu sắc. Những con người đời nhà Lý lo xây dựng một đời sống tinh thần xán lạng. Một Ý lan phu nhân phải chăng là hiện thân của cả bài kinh sám hối. . . Cho nên, khi triều nhà Lý đã tàn, chế độ quân chủ phong kiến ở Việt-Nam đã bước qua một giai đoạn rạn vỡ của nó, đề trở về sống một cuộc đời hiu hắt trong buổi hoàng hôn dài lê thê. . .

Nếu đem so lại những cung điện lâu đài của các triều đại trước đề lại, thì chắc chúng ta không thể nào so sánh được với một Đền thiên, Đế Thích của dân tộc Khmer, những kim tự tháp của Ai-cập, song chúng ta hãnh diện vì chúng ta có một gia-tài tinh thần phong phú, phù hợp với cốt tính suy tư, trầm tĩnh của phương đông. Gia tài ấy nằm trong những bài thơ của sư Vạn-Hạnh, sư Mãn-Giác, gia tài ấy là tiếng chuông còn vọng về từ gần 10 thế kỷ nay đề cảnh tỉnh con người chúng ta, đề lắng lại những tâm hồn xáo động vì ham muốn.

Đầu là Phật tử hay không Phật tử, đầu muốn hay không muốn, chúng ta phải công nhận hai sự thật này.

1) Phật Giáo không thể là thứ triết thuyết có thể bị lợi dụng đề đàn áp, đầu độc dân chúng được.

2) Phật Giáo đã tạo nên một triều đại nhà Lý rạng rỡ trong tinh thần nhân ái.

Công nhận hai điều ấy, bây giờ xin mỗi quý bạn hãy cùng tôi thưởng thức hai câu thơ của Vạn Hạnh thiền sư :

« Sá chi suy thịnh việc đời,

Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành ».

NHU - KHÁNH



Một mùa Xuân

CỦA HUYỀN-KHÔNG

ĐÂY bánh xe quay giữa bụi trần
Ba ngàn thế giới : Một-Mùa-Xuân
Những hành tinh chuyển vang liêng đất
Nhân loại ngồi im dưới mộ phần
Tâm tư theo bóng trăng tròn khuyết
Mỗi cánh hoa đều hiện Thánh Nhân
Mường tượng người xưa trong tháp cổ
Đêm ngồi thao thức ý phân vân
Hương đời từng quyến trong hơi thở
Quá khứ chìm sâu nhịp chuyển vần
Chim đời ca ngợi hoa sắc thắm
Trong cánh vườn lòng của thế gian
Gió đời mang nặng niềm u uất
Trước ngõ tương lai hận muộn màng
Đường đời rộng mở thánh thang đón
Đâu bướm mơ hồ thoáng trước sân ?
Đêm nay nằm đợi mùa xuân đến
Vũ trụ chìm sâu ý nhập thần
Lãng bễ tâm linh trầm viễn xứ
Bài thơ Nhân Loại vẫn mang mang
Bao giờ Xuân chết trong lòng đất
Hạt bụi trần kia lệ mấy hàng ?

PHẬT - GIÁO LÀ ĐƯỜNG TIẾN CỦA NHÂN-LOẠI

Bhiksu ĐỨC-NHUẬN

Khai nguồn : Phật-giáo là tất cả.

CHÚNG minh cho câu nói ấy, ta căn cứ ở điểm xuất-phát tối-sơ trong lịch-sử truyền-bá Phật-giáo: Cách đây hơn hai mươi lăm thế-kỷ, và hiện nay Phật-giáo vẫn giữ một địa-vị quan trọng trong việc hướng dẫn nhân-loại tiến bước trên con đường sáng-hóa.

Với điều này ta không lấy làm lạ, chỉ vì tinh-thần Phật-giáo không bao giờ trái với sự việc nào, bất cứ hạng người nào, ở đâu, khi họ biết hướng đến Sự-Thật mà Phật-giáo là Sự-Thật, Đạo của Ánh-Sáng và Tình-Thương. Cho nên, Phật-giáo truyền-bá đến đâu là được quần chúng hoan-nghênh, tin-tưởng, khác nào như vầng thái-dương chiếu tự trên mà không một chỗ nào không có ánh sáng.

— Về không-gian. — Đứng về phương-diện bản-thể-luận mà xét: Phật-giáo có từ khi có vũ-trụ, có loài người. Theo danh-từ Phật-học thì, Đạo Phật — Đạo Ánh Sáng — là bản-lai của vũ-trụ, vạn-hữu sẵn có, nên cũng nói: Khi có chúng-sinh là có đạo Phật.

— Về thời-gian. — Phật-giáo phát-nguyên từ Ấn-Độ mà vị Giáo-chủ duy-nhất là Đức THÍCH-CA MẬU-NI. Lần đầu tiên, Ngài thuyết-pháp tại vườn hoa Lộc-Uyển sau lan gần

khắp thế-giới. Hiện nay với con số khoảng sáu trăm triệu tín-đồ tôn-sùng ngưỡng-mộ; những nhà bác-học, triết-gia, học-giã trứ-danh từ khắp nơi đều tìm đến với Đức Phật và rất say sưa nghiên-cứu giáo-lý vô-thượng của Ngài. Bao nhiêu khám phá huyền-bí về vũ-trụ nhân-sinh, về quan-niệm cuộc sống và sự tiến-hóa chung, Phật-giáo đều giải quyết toàn-mỹ, nên cũng nói rằng, Phật-giáo là đạo của mọi người, muôn loài, trong các thời-dại, dưới hết thủy vòm trời. . .

— PHẬT-GIÁO LÀ TẤT CẢ.

Trình bày: những nét chính trong Phật-giáo.

A.— ĐỨC PHẬT, BÓA SEN NGÁT HƯƠNG

Sự xuất hiện Ánh sáng của Đức Thích-Ca Mâu-Ni là kết tinh bởi muôn vàn hương hoa « Từ-bi » và « Tri-tuệ », một diễm lành cho hết thủy chúng-sinh trong cõi Đại-thiên thế-giới!

Đấng Giác-ngộ ra đời vì một đại-sự nhân-duyên là đem *Ánh-sáng* và *An-lành* đến cho cuộc đời. Đức Phật chỉ là Người đã giác-ngộ lẽ sống và sự sống và đã sống đúng theo tinh-thần giác-ngộ ấy. Đứng về phương-diện người mà nói, thì Phật là đấng đã thành-tựu một nhân-cách tối cao sau khi thể nhập với toàn thể vũ-trụ vô biên. Ngài là hiện thân của muôn ngàn ánh hào-quang màu-nhiệm chiếu sáng trần-gian tăm tối, làm rung động thế-giới mười phương. Ngài đã nhìn thấu điao mị thực trạng xấu xa của các tầng lớp xã-hội; cảm-thông sâu xa được hết thủy lẽ đau khổ của kiếp người, Ngài thấy cần đề cao « *Nhân-bản, nhân-tính, nhân-chủ* » để phản đối lại chế-độ bất công của xã-hội Ấn-Độ nói riêng, nhân-loại nói chung. Vì dưới con mắt đức Phật, *mọi người sinh ra đều mang sẵn trong dòng máu và nước mắt cùng mặn. Tất cả đều bình-dẳng*. Nghĩa là, chủ trương cách-

mạng-hóa hoàn toàn và quả nhiên. Ngài đã thắng trong mọi hoàn cảnh vẻ vang, vô cùng rực rỡ : đã phá tan những thành-kiến sai lầm về vũ-trụ nhân-sinh, về quan-niệm cuộc sống, về đạo đức luân-lý, về chính-trị bằng những thuyết-lý TỪ-BI, TRÍ-TUỆ, BÌNH-ĐẲNG và GIẢI-THOÁT với mục đích nâng cao giá-trị và địa-vị con người lên.

Ngài tuyên-bố :

« *Tôi là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành* ».

« *Tất cả đều có Phật-tánh* ».

Những câu như vậy có nói trong khắp các kinh điển Đại-thừa Phật-giáo.

... Sự yêu thương cũng bắt nguồn từ đây được truyền tiếp khắp đó đây !

— Đức-Phật, hiện thân của một đóa hoa sen trong sáng ngát hương !

B. — ĐẠO-PHẬT, NGUỒN SỐNG VÔ TẬN ...

Đức-Phật là Nguồn - sống và lẽ-sống bàng-bạc trong muôn loài vạn vật. Đạo tức là đời. Cho nên, Phật-giáo chủ-trương sự giáo-huấn con Người bỏ ác làm lành. Mà gốc của Ác là gì ? — Tham-muốn, oán-hờn, ảo-tưởng... Nhưng sao gọi là Thiện ? — Chỉ khi nào con người thoát ngoài tham-muốn oán-hờn, si-mê lầm-lạc hòa-điệu với toàn thể vũ trụ vạn hữu trong đó có con người cùng nhịp-nhàng chung sống trong một *nguồn-sống* vô tận...

Sự sống không thể chỉ căn-cứ ở một vài sự-kiện hình-thức đơn-giản ; trái lại, nó phải vươn lên tiến tới hướng-thượng, cao cả, toàn-mỹ, vì biết rằng hết thảy sự vật hiện hữu trong vũ-trụ hoặc trực-tiếp hay gián-tiếp

ảnh hưởng lẫn nhau mà tạo thành. Vậy ta có thể thấy hai kết luận :

— « Một là tất cả — Toàn-thể vũ-trụ tạo thành một vật »

— « Tất cả là một — Một vật ảnh-hưởng đến toàn-thể ? »

Dưới sự-thật « duyên-sinh, » trong một nguồn sống vô tận, đạo Phật đánh dấu sự tương quan mật-thiết sâu-xa giữa hết thảy... nên quan-niệm rộng-rãi của người Phật-tử là ít sống cho mình mà sống nhiều vì người và đã mở rộng hai tay ôm vũ-trụ vào lòng mà đạo là lẽ sống nhiều, cách sống và mọi sự sống, ở đời.

Trong kinh *Samyutta Nikaya* chép lời đức Phật giảng cho các đệ-tử có những đoạn văn quan-trọng :

« Hỏi những đệ-tử của Ta, các con đừng bao giờ để tâm trí vào những tư-tưởng sau đây :

Thế-giới hữu hạn, thế-giới là vô hạn...

Nhưng hãy để tâm-trí vào những tư-tưởng sau đây :

Đau là đau khổ, đây là nguồn gốc đau khổ,

đây là cái làm cho hết đau khổ, đây là con đường đưa đến chỗ diệt tận đau khổ »

Mà con đường hướng-dẫn nhân-loại, chúng-sinh đi đến chỗ diệt tận đau khổ (giải-thoát) là « Bát-chánh-đạo » :

1) *Hiếu biết chân-chánh.* — Dùng lý-trí để quán chiếu sự-vật một cách khách-quan có thể nói đây là sự nhận biết lẽ huyền-bí giữa vũ-trụ và con người.

2) *Suy-nghĩ chân-chánh.* — Trau dồi tâm-dức như không tham, không giận...

3) *Lời nói chân-chánh.* — Ôn-hòa, không lừa dối, đặt điều xu nịnh, dèm-pha.

4) *Việc lành chân-chánh.* — giữ giới trong sạch, làm những công việc hữu ích.

- 5) *Đời sống chân-chánh.* — Tâm-tri cao-thượng, không làm những việc gian - dối, lừa đảo, bất-nhân phi-ngĩa.
- 6) *Siêng-năng chân chánh.* — Tinh-tiến làm các việc lành hợp lý cho đạt tới đích thành công.
- 7) *Nhớ tưởng chân-thành.* — Suy-xét và cảm-nghĩ luôn đến đạo chính.

8) *Định-tâm chân-chánh.* — Tư-tưởng trong sáng, không bị phiền não, mê-mờ xoay chuyển.

Giáo-ly của Phật-giáo là dạy cho con người sống đời sống cao cả, trong sạch, hoàn toàn gương mẫu

Đây là nhiệm-vụ trước tiên và sau cùng mà mọi công việc của Phật-giáo đều hướng về điểm ấy.

— Đạo Phật, nguồn-Sống của mọi sự sống ...

Tổng hợp Phật-giáo, con đường sáng ...

Ánh - sáng và không-khí cần cho cuộc đời bao nhiêu, đạo Phật cũng cần cho loài người bấy nhiêu. Và hễ ở đâu có Đạo-Phật là ở đó đỡ khổ thêm vui ...

Đây là một Sự-thật.

Đề tổng hợp, ta thấy nguồn giáo - lý của Phật-giáo với những điểm dưới đây :

1. — Tôn-trọng sự sống và hiểu biết của con người.
2. — Hướng-dẫn con người có một đường lối đi lên để tự-lực giải-thoát những ràng buộc tối-tăm, đau khổ.
3. — Kiến thiết một xã-hội công bằng và hạnh-phúc, căn cứ trên quan điểm giáo-huấn con người về ba phương-diện BI, TRÍ, DŨNG.

Với những đặc-diểm trên, Phật-giáo đã nghiêm-nhiên chiếm một ưu thế trong các địa - hạt *giáo-dục, văn-hóa, luân-ly đạo-đức* ... nhất là đã gây dựng một quá-trình tiến triển văn-minh nhân-loại từ ngàn xưa và sau này mãi mãi ...

Lịch-sử đã chứng minh điều ấy.

— Phật-giáo quả là một đường tiến đi lên ...

NHỮNG NGẢ ĐƯỜNG

Chuyện dài xã-hội của VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG

THÀNH phố Nha-trang đêm nay — một đêm cuối thu năm 1949 — cũng như mọi đêm khác và mọi thành phố khác trên đất nước Việt-Nam trong thời chiến tranh Việt-Pháp, nghĩa là rất mau quân sự, có cái oai nghiêm rờn rợn của những đoàn xe từ-từ nối đuôi nhau đi tuần tiểu.

Và cái bữa bãi, hỗn độn của đủ thứ binh-chủng của quân-đội viễn-chinh Pháp đang chen lấn, xô đẩy nhau trong các hộp đêm, các tiệm nhây, tiệm rượu... Họ thay phiên nhau đi giữ và đi phá trật tự. Chỉ có họ là ngự trị trong thành phố. Từ 8 giờ tối là người thường dân vắng dần trên các ngã đường, vì sợ tai vạ bất ngờ xảy đến : một trái lựu đạn nổ và tiếp theo là một cuộc lùng xét, hay một lão Lê-dương say và tiếp theo là những sự đập phá lung tung hay bắt gái.

Quen sống giữa sự náo nhiệt tấp nập của những đêm Saigon, Minh

không khỏi thấy bỡ ngỡ khi bước chân lên đoạn đường vắng vẻ từ nhà ga xuống đại-lộ Beau-Rivage, con đường đẹp nhất chạy ven bãi biển Nhatrang. Một tay xách cặp da, một tay thọc vào túi quần tây, Minh chậm rãi bước đi mặt dù trong lòng nóng cho mau đến. Chàng ngược đầu lên, thở mạnh để cho tim bớt hồi hộp. Vòm trời không được trong lấm. Những ngôi sao sáng mờ mờ, xa-xăm, như sắp từ giả chàng. « Lạy trời cho cái tin ấy không có thật ». Quen miệng thốt ra hai chữ « lạy trời » như bao nhiêu người khác, Minh chưa bao giờ quan niệm cái ông trời mà mình lạy đó như thế nào và có hay không. « Không lẽ lòng người thay đổi mau quá thế. Khi mình từ-giã Thoa vào Saigon, Thoa đã khóc nhiều, gục đầu xuống bàn mà khóc, đầu tóc trùm cả vai, cả mặt... »

Một đoàn xe tuần tiểu từ đại lộ « Beau-rivage » rẽ quẹo vào con đường Minh đang đi, quét một vệt

ánh sáng qua mặt và người chàng. Minh tránh vào sát lề đường cho khỏi chói. Gió ngoài biển thổi vào lành lạnh. Qua khúc quẹo này là đến nhà Thoa. Minh hồi hộp, đứng dừng lại, thở một hơi dài cho khỏe ngực. Hai chiếc xe hơi khác lại tiến tới nhưng bây giờ không phải là xe tuần tiễu mà là xe nhà. Một vài tiếng cười nói của những người ăn mặc rất sang trọng ở trong xe ném ra Minh tự nhủ: « Thời ta đi! Thế nào cũng không thể lùi lại được nữa. Thà biết cho rõ ràng trong đêm nay rồi ngày mai ra sao thì ra. Vả lại, nếu không về đó thì cũng không biết về nhà ai bây giờ ». Minh mạnh bạo rẽ qua Đại-lộ Beau-Rivage trong sân nhà Thoa, hôm nay đèn thấp sáng ra tận ngoài đường. Tiếng người cười nói rộn rịp, một chiếc xe hơi tiến ra cửa, nghiêng sỏi sào-sạo. Một chiếc xe hơi khác còn đứng đợi trước thềm nhà trên thềm có mấy người ăn mặc sang trọng cả đàn ông lẫn đàn bà, đang nói chuyện; có lẽ họ đang chào chia tay. Minh đi tránh vội vào trong cỏ bên đường, đứng núp vào sau một thân cây bàng, nhìn vào. Trời! Thoa, trong bộ lễ-phục của cô dâu, đang đứng nói cười với khách bên cạnh người chồng mới! Minh không biết rõ người ấy có thật là chồng mới cưới của Thoa không, nhưng chàng đoán như thế, vì thấy Thoa đứng sát vào người ấy, với cái vẻ âu yếm mà chỉ những cặp tân-hôn mới có. Minh thấy đầu óc mình choáng-váng như vừa bị tát một cái vào chính chẩm giữa mặt. Chàng đứng tựa sát vào thân cây cho khỏi ngã. Chiếc xe hơi đứng đợi nãy giờ dưới thềm nhà từ từ chuyển bánh tiến ra cửa, mang theo hai người khách cuối cùng. Minh đứng thu gọn mình vào sau thân cây, sợ ánh sáng đèn pha chiếu vào người chàng. Đợi chiếc xe ra gần đến ngõ, Thoa và vị hôn phu mới nắm tay nhau quay vào nhà. Hai cánh cửa lớn từ từ khép lại sau lưng họ. Đèn ở sân tắt dần. Bóng tối tràn vào trong sân. Người Minh chìm ngập trong bóng tối. Bên trong cánh cửa, hạnh-phúc đang bùng nở, sáng choang; bên ngoài cánh cửa, đau khổ đang ùn ùn kéo đến, gào thét, điên cuồng! Hai thế giới trái ngược đang nằm sát bên nhau. Một thế giới của ánh sáng, sắc màu, nhạc điệu, nụ cười; một thế giới của bóng tối, của héo tàn, lời than và nước mắt.

Toàn thân Minh rã-rời, bại-hoại, hai tay buông thõng; chàng rời gốc cây bước đi, như một cái máy, đầu hơi cúi về phía trước, mấy sợi tóc lòa xòa trước trán dăm mồ hôi. Minh rảo bước đi mà không biết mình đi đâu, dừng ở đâu, như một chiếc thuyền sắp cập bến đã

định, thì bến ấy đã bị giặc cướp mất, và chiếc thuyền cứ lênh đênh hết khúc sông này đến khúc khác, không biết nên đậu vào đâu nữa. Đầu óc Minh đang gào thét nổi tuyệt vọng, tủi hờn. « Ừ, không ngờ con người ấy tệ bạc tàn nhẫn đến thế. Những con mắt đẹp, những nụ cười xinh : chào ôi, giả dối, giả dối tất cả ! » Thật không ngờ ! mình quá tin Thoa đến nỗi đã cho những lời đồn của bạn bè Minh là do lòng thù ghét, đổ kị mà ra. Hèn gì gần hai tháng nay vắng thư của Thoa. Minh ngờ là Thoa bận. Ừ, thì cũng bận đấy chứ : bận sắp đặt ván cờ khác. Nếu không có thư của người bạn báo tin cho biết lễ thành-hôn của Thoa hôm nay, thì Minh cũng vẫn còn tin tưởng ở lòng chung thủy của Thoa, thật là tàn nhẫn, dờ däu mà không có một dấu báo hiệu ; nếu không thắng kịp thì xe đã đâm nhào xuống sông ! Minh đã làm gì để cho Thoa phải xử tệ đến thế ? À phải rồi, anh chàng kia theo như trong thư của bạn Minh là một kỹ-sư công-chánh, mà Minh thì chỉ là một sinh-viên cán-sự Y-tế năm thứ nhất ! Ái tình cũng sáng suốt lắm chứ, biết phân biệt phẩm hàm, chức tước, giàu sang.

Gió biển thổi lộng từng cơn. Sóng gào thét ào ào. Sóng gió cũng tức giận với Minh. Ngày xa xưa, có lẽ chún. là những mảnh tình bị phụ rẫy. Minh rảo bước mau dần

dọc theo bãi biển. Đàng kia, một cặp tình nhân cặp tay nhau đi ngược lại phía chàng. Tà áo của nàng, gió đánh phe phẩy vắn vít vào ống chân chàng. Tim Minh như dừng đập. Minh cũng đã có nhiều lần đi dạo như thế với Thoa trên bãi biển thơ mộng này. Có lẽ cặp tình nhân kia đang lặp lại những lời mà Minh và Thoa đã nói, như một làn sóng lặp lại tiếng rì rầm của một làn sóng trước. Nhưng khóm dứa kia, những cành thông kia có lẽ chưa quên những lời thề nguyện của họ, thế mà một trong hai người nói ra bây giờ đã quên rồi ! Nhưng buổi đi lượm vỏ nghêu, đi bắt còng còng, nó đùa với sóng, tiếng nói cười của Thoa như còn vang dội trong gió. Trời ơi, con người ấy bây giờ đêm nay đã qua tay một người khác rồi !

Minh ôm đầu, bít tai, đi như có ai rượt đuổi đằng sau. Chạy rẽ về phía này rồi đổi hướng về phía khác, thỉnh thoảng lại đứng lại, lưỡng lự, ngơ ngác giữa những ngã ba, ngã tư, ngã năm. Đi đâu bây giờ ! Đi đâu thì đi, cốt nhất là thoát ra khỏi cái thành phố chứa đầy kỷ-niệm nóng hổi của mối tình vừa tan vỡ này.

II

Trời đã hừng hửng sáng.

Suốt đêm, Minh đã đi qua những đoạn đường nào, đã dừng lại ở

đâu, đã ngồi nghỉ ở chỗ nào, chàng không nhớ rõ Hành động của Minh như một người cường trí, như một con thú rừng bị thương.

Chàng nghe đâu ở dưới hai bàn chân. Hình như chàng đã đi nhiều lắm. Minh nhớ mường tượng mình đã nện giày trên những con đường nhựa, rồi trên những con đường đá, có nhiều lúc cả trên những con đường đất nữa. Ánh sáng chiếu bước chân chàng đi ban đầu là những ngọn đèn điện, rồi những ngọn đèn dầu và sau cùng chỉ còn là những ngọn sao mờ mờ treo tí trên trời cao. Minh đã đi ra khỏi thành phố Nhatrang từ lúc nào, và bây giờ chàng đã cách xa thành phố ấy độ bao nhiêu cây số, chàng cũng không biết rõ. Hiện chàng đang đứng giữa một vùng quê. Trước mặt chàng là một con sông nhỏ, chiếc cầu ván độ nhất bắt sang bên kia bờ đã bị đốt phá. Sau lưng chàng bát ngát một màu vàng của lúa chín. Cảnh vật thật thanh bình, êm dịu. Vòm trời xanh một màu xanh của ngọc bích. Minh ngồi nghỉ bên bờ ruộng sát bờ sông. Bên kia bờ là một ngọn đồi không cao lắm, nhưng có vẻ trù mật. Một ngọn tháp, một mái chùa cong vượt khỏi vòm cây xanh đậm nhô lên trên đỉnh đồi. Rải rạt vài lần khói lam bốc lên thành từng dải lụa mềm mại như nổi vòm trời với mặt đất. Cảnh vật yên tĩnh làm dịu lại tâm-hồn

cường loạn của Minh Tự nhiên chàng muốn sang bên kia sông.

Một chiếc thuyền không mũi đầu ở bờ bên kia. Trên thuyền phía đằng lái hình như có một người đang nằm ngủ. Minh đứng dậy nhìn, rồi đưa tay lên miệng làm loa, gọi :

— Ê, ò... ò ò ! cho qua với !

Minh gọi hai ba lượt, không nghe có tiếng trả lời. Một lát sau, người nằm trong thuyền ngồi dậy, nhìn sang phía Minh, rồi nắm chèo, cho thuyền quay mũi sang phía Minh...

— Đi đâu sớm vậy ? Người đàn ông lái thuyền hỏi Minh, khi thuyền vừa cập bến.

— Đi lỡ đường bác ạ ! Minh vừa trả lời vừa xách cặp da bước lên thuyền.

— Đi đâu mà lại lỡ đường ?

Minh lúng túng trước khi trả lời :

— Thật ra thì không phải lỡ đường mà lạc đường thì đúng hơn. Đây là đâu đây, bác ?

— Xóm Đồi Mít.

— Chắc có nhiều mít lắm ?

— Cũng không có nhiều lắm. Ủ, không biết vì sao người ta lại đặt cái tên ấy.

Hai người im lặng quan sát nhau.

Minh chăm chú nhìn người lái thuyền. Anh này trạc 30 tuổi, thân hình vạm vỡ, nhưng chỉ còn một chân; chân kia là một ống chân bằng gỗ. Nét mặt anh rắn rỏi, đen láng; tóc hớt ngắn, chổng đứng lên như một bàn chải. Mặc dù què một chân, anh ta không tỏ vẻ gì khó khăn, vụng về trong khi chèo. Thỉnh thoảng anh lại nhìn trộm Minh, có lẽ anh đang tự hỏi người thanh niên có vẻ học thức đang ngồi trong thuyền mình thuộc hạng người nào, mật-thám Pháp? Công-an Việt-Minh chăng? Hẳn ta đến đây làm gì? Ở đâu đến? Đi từ khi nào mà mới bừng sáng đã đến đây? Nhận thấy sự im lặng sẽ bất lợi cho mình, Minh gọi chuyện:

— Ở đây cách xa Nhatrang đã bao nhiêu cây số ngàn bác?

— Cũng không biết độ bao nhiêu, vì không có đường xe hơi, không có ghi cây số. Nhưng đi về Nhatrang cũng gần nửa ngày đường.

Ngừng một giây lát, Minh lại hỏi tiếp:

— Ở đây có được yên tĩnh không bác? Có lẽ hiểu rõ cái nghĩa của hai chữ yên tĩnh, anh lái đò trả lời:

— Yên-tĩnh lắm. Việt-Minh cũng không về, mà Tây cũng không đến đây. Thỉnh thoảng chỉ có bọn tân-binh đến cướp vặt, hãm-hiếp...

Người lái đò bỗng ngừng nói, đẩy một nhát chèo thật mạnh, chiếc thuyền trườn tới làm rung động cả hai mạn thuyền. Minh mắt thẳng bằng gần muốn té. Chẳng ngạc nhiên

nhìn người lái đò. Anh này, hai môi bấm chặt lại, nét mặt có vẻ cương quyết, nhìn thẳng phía trước, không nói gì nữa.

Minh hơi e ngại vì thái độ thay đổi đột ngột của người lái thuyền, ngồi im, không gọi chuyện nữa.

Thuyền cập bến. Minh đứng dậy, móc túi lấy tiền và hỏi:

— Tôi phải trả bác bao nhiêu?

Người lái đò nở một nụ cười hiền dịu:

— Cậu đừng trả gì cả. Chiếc thuyền này của Chùà Giác-Hạnh, trên đời kia, còn tôi thì chỉ làm công quả.

— Vậy xin cảm ơn bác.

— Cũng đừng cảm ơn gì cả.

Người lái đò ngập ngừng rồi nói tiếp: ... Chẳng qua cũng là bổn phận, trả cái nghiệp... Thôi cậu đi đi, mặt trời sắp mọc rồi, đi sớm cho khỏi nắng.

Nhưng Minh vẫn đứng yên chỗ, lưỡng lự, vì không biết nên đi đâu bây giờ.

Người lái đò tưởng Minh không biết đường mình định đi, hỏi:

— Cậu muốn đi ngã nào? Ngã trên này về Nhatrang cũng được; còn ngã dưới này ra Tuy-hòa. Đi cho hết quãng đờng này thì đến quốc lộ.

Minh vẫn đứng yên, cuối cùng, thấy cần phải nói thật:

— Thật ra, tôi không muốn trở lại Nhatrang mà cũng không muốn ra Tuy-Hòa. Tôi muốn tìm một nơi yên tĩnh để nghỉ ngơi vài hôm.

— Thế thì cậu lên chùa mà nghỉ. Vị trú-trì chùa này, tốt lắm, đồng bào trong vùng đều kính mến. Đi! Tôi cũng lên đây kiểm cái gì lót lòng.

Không để cho Minh kịp trả lời người lái đò vác chèo đi trước. Minh đành phải đi theo. Đốc đờ; cao. Mặc dù có tầng cấp bằng đá, nhưng thỉnh-thoảng Minh phải đứng dừng lại để thở; sau một đêm thức trọn và đi nhiều, Minh thấy sức lực mình sút rất nhiều. Người lái đò, mặt dù thọt một chân, vẫn đi một cách lành lẹ, chốc chốc dừng lại để chờ Minh. Để che dấu sự mệt mỏi của mình, Minh giả vờ đứng lại để ngắm cảnh, và tấm tắc khen ngợi. Mà cảnh đẹp thật. Quả đồi rộng độ năm mẫu tây, cao độ 50 thước. Ven sườn đồi là những rẫy khoai, sắn, rau cải; những cây cao rợp bóng mọc rải khắp nơi: đây một cây mít, kia một cây xoài, kia nữa một khóm thông... Càng lên cao, những cây ăn trái lại càng nhiều và xanh tốt. Chùa xây ở trên đỉnh đồi, không đồ sộ, cũng không lộng xụp, nhưng có vẻ hiền dịu thanh thoát. Trước chùa, là một cái sân lớn lát gạch, có nhiều cây cảnh: tùng, cúc, thược-độc, vạn-thọ... Sau khi nhìn qua quang cảnh chùa, Minh xây lại, nhìn xuống dưới đồi. Trước mặt chàng, một con sông nước trong xanh đang uốn khúc, lặng lẽ trôi; nhiều nơi có thể trông thấy rõ cả cát trắng dưới đáy. Một con thuyền câu lướt đi, rẽ nước thành hình rẽ quạt dài

gần năm thước. Vài đám hơi nước hư ảo bốc lên dưới ánh mặt trời bắt đầu lên. Bên kia sông, là cả một tấm thảm mênh mông lúa vàng. Một đàn cò trắng muốt từ chân trời bay lại, lượn quanh một vòng rồi hạ cổ, hạ chân đáp xuống một đám ruộng lúa. Phía bên này sông, sau ngọn đồi, những nếp nhà tranh xinh xắn, hiền lành nép mình dưới những khóm dừa, khóm cau hay lũy tre, giữa những khu vườn vuông vắn xanh tươi. Rải rác đây đó, vài ba cái gàu-cần chống cán lên trời bên cạnh giếng nước, như những giàn sừng cao xa.

Người lái thuyền nãy giờ vẫn đứng bên cạnh Minh để dẫn giải những điều Minh cần biết ở quanh vùng, nói tiếp :

— Trước kia, đồng bào ở đây, tuy ở gần chùa nhưng ít theo Phật; từ ngày thầy Thiện-Ứng về trú-trì tại chùa này, thầy giúp đỡ đồng bào rất nhiều, nên ai cũng quý mến thầy và theo Phật rất đông. Chính tôi đây cũng nhờ thầy mà còn sống đến bây giờ.

— Vậy à? Minh vừa hỏi tỏ vẻ ngạc nhiên nhìn người lái thuyền. Nhưng anh này nói sang chuyện khác:

— Thôi, ta vào chùa. Giờ này chắc thầy trú-trì đã làm công phu xong. Cậu vào đây tôi trình với thầy để cậu ở lại chùa chơi vài hôm và đi thăm quanh vùng.

Hai người cùng đi vào chùa.

(còn nữa)

THƯ MÙA MỜI

Của NGUYỄN - THÁI

CÒN nhớ đến mấy hôm mưa, mưa dầm dề thất lữ, đó là sự trở chứng thường xuyên của những tỉnh miền Bắc-Áu. Những giấc mơ chiều mù mịt, mù mịt như trời chiều vùng Tây-nguyên, tâm hồn chợt phải nhận nhiều nỗi nhớ nhưng xa vắng Gió lộng về đêm, nằm dưới mái ngói nghe như bão táp, ngổ ngộc cuồng phong từ bề khơi gặp giờ động bề tạt vào.

Hạnh phúc lúc này có lẽ là tìm cho ra một người để nói chuyện! Phải đến đây vào giờ này mới thấy lòng người là một sợi tơ trước gió lốc. Chốc chốc con tàu âm vọng xa xôi và giờ của chiếc đồng hồ treo phòng cạnh rơi một đoạn nhạc buồn tẻ đều đều như nhạc của thời ma quái cõi âm ti. Thề lòng rơi theo chắc sẽ thấy mình gục xuống, tan tác đến thăm cùng của cô độc và ngắc ngoải như con người bị chôn sống. Ấy là chưa nhìn những lớp mưa phát mù mịt lên cảnh vật, buồn thiu như chiếc nhà sàn trơ trọi trong rừng mọi vào chiều sương muối rơi...

Anh bèn pha ấm trà tàu, lật đọc mấy trang thơ, ngâm nghĩ và bỗng nhớ đến bạn anh.

Mưa không nhiều và mưa không quanh năm. Chợt có lúc mùa chuyển. Những đợt mưa chết dần vào xa vắng, hay trở về bằng những dáng hoa bóng loáng trắng phủ biệt mấy lối mòn: Những hôm phẳng màu tuyết mới như cỏi lòng thời ban sơ. Thêm chút nắng đội lên thì lòng trở ấm lạ thường.

Anh chống dùi rảo đi trong niềm mới mẻ đó, đi giữa cái lạnh và cái êm nhưng mịn màng của tuyết. Đi và thử hỏi trong lòng niềm chuyển biến bên ngoài hay dễ lắng nghe những nụ mầm rần rạn dưới các lớp phẳng phiu kia. Đó đây có sự luân hồi, sinh diệt, nhất nhất không ngừng, không đứng, nhất nhất vói chồm và thu lượm...

Con người anh cũng xoay trong vòng sinh diệt. Nhìn khoảng đường đã qua, các bóng dáng bé bỏng tàn lụn mất dấu rồi, còn chẳng là sự nhớ mơ hồ và xa lạ.

Trở về không được, bởi xác củ tiêu mòn, không vùi vào nguồn sinh mới chắc cả cái trụ cốt cũng sẽ bị lao đao, nên thoảng thấy vui vui trong ý nghĩ sinh thành mãi mãi. Lòng vút lên trên nỗi khóc than luyện tiếc, con người thoát nở nang như hoa nụ trái dần dài hóng nắng. Hẳn là phải vui mừng xao xuyến lắm! Niềm ngự bình trên chiều nhận biết, tự tin và dâng hiến.

Anh bỗng muốn nói với bạn anh về sự chiêm ngự, điều hành được cảm giác mình trên hết thấy chuyển biến thoát nhìn tưởng là thâm khốc, bất an.

Rời mùa tuyết phủ đi qua. Chợ không còn co ro rét mướt. Những dãy hàng hoa chớm màu bật hiện. Gió không thổi dài cũng thấy sắc nhầy rộn ràng. Thử bậc họp trên chiều mưa đọng. Bước lặng trong chen chúc ngoài tiếng trầm trở, mời mọc, nhận ra một mùi quen thuộc, quen thuộc như đầu dây đã có lần bay dấy. Không thêm biết kinh độ nào hay tên tuổi đất đai, con người tìm được quê hương trong chốc lác qua mùi vị gợi nhắc chợ đến bất chừng. Cái mùi mát mát, thơm thơm pha trộn mấy chất tươi của những màu hoa tể, gợi hàng dãy hàng chạu đất liền

nhau trời màu khoe sắc trên sân chùa, vườn tược, chợ đình.

Những điều không đâu, nhỏ nhặt nhắc ta nhớ rất nhiều. Huống chi cả sự chuyển mùa rầm rộ. Nhất là cái chuyển mùa mà mọi tâm hồn hằng mừng rỡ.

Trời đất không ngẫu nhiên lập mùa đâu! Có lẽ chỉ bởi vì sự cần thiết của những nỗi ước mong. Khi đã ngao ngán rồi với ngọn heo may hiu hắt, vàng rét cầm cầm, ta mong cho sự đó trôi đi dưới giòng nước cuốn và khi nước lũ giăng đầy trong rét mướt thì nỗi ước mong kia sẽ ngã vào niềm ấm cúng, sắc màu chuyển động, sinh thành và mùa hát. Mùa xuân không đến trong vô tình mà kỳ thực rất hữu tình hữu tình cho đến lúc thấy sự đam mê của con người lên tột độ thì lại lảnh đi... và cứ thế tìm cách giúp ta suy nghiệm, sống còn.

Mùa mới gọi cho ta niềm an nghĩ yên vui, gọi cho ta mở rộng lòng đón nhận, để ban chia và nhiều lưu luyến. Mùa mới gọi cho ta một cảnh thái bình, đoàn tụ.

Đã như xa lắm, anh cảm thấy con người lãng quên cảnh thái bình dù họ vẫn sống trong thái

binh. Phải đợi cho mùa mới đến nhắc nhở thì họ mới nhớ. Mà kỳ thực loạn lạc phát sinh ở mầm ngũ loạn lạc.

Anh lạ lùng chợt nhận như thế giữa triều mới của thời gian, mới như sự lớn lên của chú bé hồng hào.

Chúng ta thường sửa soạn sự phá đổ hòa bình bằng cách cứ vọng tưởng đến hòa bình thay vì chịu sống trong đó.

Chiều nay anh lên đèn trên bàn Phật, anh đốt hương và dắm

khói, chùng quanh tĩnh mạch, anh lặng yên đi vào con đường sen ngát thấu tận liêu hồ cứ để lòng yên ả dâng

lên, dâng lên hòa vào bao la vĩnh viễn...

Chiều nay anh trở về nhà, dựa xe vào vách liếp, dững đỉnh xuống nhà dưới bưng thau nước ra sân tắm bụi trên người, con anh bí ho những tiếng bâng quơ trong trẻo, vợ anh dọn mâm cơm chiều chờ anh trên phảng gỗ, anh sẽ hỏi vợ đòi câu, lột lông, đọc báo, dẫn gia đình dạo chơi...

Chiều nay anh trở về nhà, đặt cuốc đặt cày, sung sướng nhớ giấc ngủ lặng êm và lòng sắp xếp những thứ tự của mùa về.

Chiều nay anh trở về phòng, lật sách tìm tôi, suy tưởng tự do, cho trí não chạy đua trên cánh đồng học tập.

Và còn bao nhiêu buổi chiều ở nơi này, nơi nọ, trong tâm hồn này, trong tâm hồn kia... Đó không phải hòa bình sao? Còn có sự thái bình nào hơn cái thái bình đó? Còn có nỗi ước mong nào hơn nữa? Hay ta lại chỉ mong ước hảo huyền, chỉ đòi hỏi tham lam?

Anh thấy hòa bình anh không thiếu, chỉ thiếu trong anh niềm

nghe ngại về đồng loại quanh anh, niềm thương xót ban chia với những ai không có một buổi chiều cơm áo.



Anh chỉ đi vào anh trong một buổi chiều thành kiến, một buổi chiều sắc độc cô đơn vì cắt mình với bao liên hệ thân tình vì đi tìm cõi đẹp trong hư vô và quên đi cái đẹp hòa nhiên, trong trắng chờ khai thác lên anh. Phải chăng vì đó mà nhiều khi anh mang trong anh niềm hoài cổ lớn lao, thấy như chỉ có những gì đã qua mới êm dịu, mơ màng. Chính phút này đây, cái phút anh không hề biết đến, sẽ là thiên

đường trong trí tưởng ở ngày mai tới.

Con người sống nơi tưởng tượng và cũng chết mòn trong đũa đầy của các dòng tưởng tượng.

Con người ít thích sống với tài nguyên nằm gọn trên đôi tay!

Mùa mới đến rồi. Cô un đồng lục nhạc, ủ trong màu đất thâm đá nhồi ra. Mấy cành cây đen độc thời đông dần đang gác nụ đầu đình, chờ có nắng ấm là xòe màu gọi mùa. Hồ lạnh giá, nước bỗng trở trong khua sóng, các cây hoa hồng-thủy lá thắm, sắp vương lên mặt nước cùng hoa dăng, cá cũng bỗng chốc sinh nở thành đàn tập lội. Anh cảm trong người anh nổi rộn ràng của những ngày ấm áp.

Bất giác anh lại nhớ đến bạn anh. Và muốn viết cho bạn một bức thư đầy giòng suy tưởng, song anh nghiệm ra rằng các giòng suy tưởng kia chỉ là những chốc lát mỏng manh, tan biến. Trên giấy trắng, giòng ghi thành mảnh sườn khô héo như xương con cá thia vàng tro trên. Mỗi thoáng đi qua là muôn lần sinh diệt, song dòng chuyển nối kia vẫn lưu truyền, trường thọ. Bởi đó anh sẽ nhớ đến bạn anh và anh vẫn còn muốn ghi thư cho bạn.

Nhưng bỗng phát hiện mỗi lạ lùng kỳ dị: anh không còn biết bạn anh là ai, anh quên mất rồi hình dáng của bạn anh. Hình dáng đã loảng dần và biệt tích. Anh cũng quên đi cái chốn ở, cái góc trời, nơi trụ mình, an tọa của bạn.

Anh thấy nhói trong tim niềm quay quắc cô đơn. Nhưng cũng lạ lùng thay, trong niềm quay quắc đó anh chợt bàng hoàng thấy đột hiện rõ dần dần hình bạn. Dáng hình hiện hậu anh đang ngấm nhìn, phân nét.

Cái dáng hình diễm lệ mà giờ đây anh bắt gặp rõ ràng và thường xuyên trên hết thảy các bộ mặt anh gặp quanh anh dọc đường đời.

Như thế nghĩa là anh đã làm quen được với cái bao la và thương mến trong cuộc đời — phút chốc trở nên thơ.

Và lặng yên, lặng yên, anh như sợi nắng chiều trong rừng ngũ. Quê hương vờn những đêm gấm, bạn về trong chiều lụa. Nhớ tưởng khô, g bằng lời. Yêu thương động đôi giờ gần gũi. Gần gũi như hương hoa một ngày nào xông ngực bạn, như ngọn gió nào qua song đêm vào giờ bạn dệt mộng hay biết đâu lại không vào giờ bạn đang chào những dang mới vào tìm...

1960

N. T.



MÓN QUÀ ĐẦU NĂM

Mén tặng Học-sinh K. Chi

MÙA lát phất bay. Trời rét...
Vài tràng pháo rời rạc nổ đây
đó như cổ phá tan cái lạnh lẽo
của buổi sáng đầu năm.

Chi choàng thức dậy. Năm mới
rời đây! Cẩn thận! Tốt hay xấu
bắt đầu ra hiệu từ trong buổi
sáng này! Những ý nghĩ ấy thoáng
qua trong trí óc rất nhanh và có
sức mạnh đốt nóng cơ thể. Chi
vội nhảy xuống giường, Đến với
lấy chiếc áo dài mà cô Chi vừa
mới may cho, Từ khi hôm, Chi
đã định rằng sáng nay mặc áo « mở
hàng ». Chi ngắm chiếc áo một hồi,
và long trọng, Chi mặc áo vào.

Tốt! Khai bút đầu năm vậy!
Chi vội đến bàn, giờ ngay mấy

bài toán tập thầy ra về làm trong
dịp Tết và cặm cụi suy nghĩ. Chi
muốn làm một việc đặc biệt. Khai
bút bằng giải một bài toán hình
học. Trong lớp Đệ ngũ, Chi chưa
phải là xuất sắc nhất về môn hình,
nhưng riêng trong đám nữ sinh
thì Chi chưa chịu thua bạn nào..

Chi làm xong trọn vẹn cả hai
bài và chép vào vở tập cẩn thận.
Chi cảm thấy vui, hơn cả cái vui
áo mới, cái vui nghỉ Tết, thành ra
trù trừ muốn làm thêm vài bài nữa
nếu không có Hoa, em của Chi,
vào gọi ra ăn sáng.

Bên ngoài trời lấm tẩm mưa.
Không khí lạnh lẽo như những
ngày giữa đông. Phải chăng cái
Tết còn có trong ý tưởng của con
người mà thôi? Nhưng khi sang
phòng khách, Chi bỗng thấy một

thay đổi lớn. Phòng khách như sáng lên rực rỡ. Chiếc khăn bàn mới, bình hoa huệ trắng, khay bánh mứt và hạt dưa đỏ mà cô Chi dọn sẵn hai chậu cúc vàng trước cửa thêm . .

Em Chi thì thích thú lắm. Nó đòi bạn xong bộ đồ mới. Khoe với chị mấy tờ bạc, rồi chạy đến mở to máy Radio đang ca bài Mừng Xuân. Nó vui đến no thành không muốn ăn uống gì cả. Ăn sáng xong, Cô Chi đi lễ chùa. Chi phụ trách giữa nhà.

Bây giờ ngoài đường đã đông người qua lại. Quang cảnh trông không tấp nập bằng những ngày trước nhưng có vẻ tươi sáng hơn. Bọn trẻ chạy tung tăng theo sau cha mẹ trong bộ áo quần mới rực rỡ. Những cô gái trẻ Chi cùng lộ vẻ trong chiếc áo dài màu phếch gót, duyên dáng dưới chiếc nón trắng ngà, dắt tay bọn trẻ em nhỏ đang cố muốn vùng ra để được chạy tự do. Gia đình này rồi gia-đình khác, người ta dẫn nhau về nội, người ta dẫn nhau về ngoại, họp mặt trong những gia-đình rộng rãi hơn, vui vầy . .

Tự nhiên, Chi nhớ lại hoàn cảnh của mình. Gia-đình Chi ngày trước cũng khá êm ấm. Cha Chi làm Dược - sĩ một tiệm thuốc ở Quảng-nam. Bỗng một hôm. Cha Chi bị Tây bắt, tra tấn năm bảy lượt. Đến khi được thả về thì

cha Chi lâm bệnh rồi chết. Ngày đau buồn ấy qua chín, mười năm rồi, hồi ấy Chi còn nhỏ, nên bây giờ chỉ nhớ lại lờ mờ trong một giấc mơ buồn tẻ tái. Rồi ba năm sau, anh em Chi lại bị một cái tang đau đớn nữa : mẹ chi mất vì bị máy bay bắn. Chi không làm sao quên được cái buổi sáng hôm ấy. Bốn chiếc máy bay tàn ác lồng lộn rú lên ngổ sọ, bắn từng tràng liên thanh khủng khiếp như tiếng khạc lửa của hung thần. Và mẹ Chi gục ngã, máu thấm ướt đỏ vạt áo trước ngực. Chi thấy mặt mẹ tái xanh, trời ơi ! tái xanh, hàm răng cắn chặt như uất tức phải lia bỏ đàn con thơ dại. Đưa vào đến nhà thương thì mẹ Chi tắt thở. Đám tang mẹ Chi cũng trong một ngày mưa lất phất và lạnh như hôm nay.

Có cái gì nóng nóng lẫn xuống má. Chi vội đưa tay lên chùi thì ra Chi đã khóc. Đến bây giờ, hai cái tang đau đớn ấy không làm Chi nức nở thành tiếng như những năm về trước, nhưng bên trong lòng, Chi thấy thấm đau hơn. Cũng như một hôm nào, thấy ra đề luận : « Hãy thuật lại một chuyện mà em đã làm mẹ em đau lòng » Làm mẹ em đau lòng ! Ôi ! Mẹ của con ! Chi đã ngồi im lặng hàng nửa giờ không viết được chữ nào và thấy các chữ của đề

bài nhòa đi, nhòa đi... Ngay chị bạn ngồi bên cạnh cũng không hay biết chút nào.

... Rồi từ sau ngày hồi cư về, anh em Chi được những người bạn quen của ba Chi xưa kia giới thiệu vào viện Bảo anh. Anh Chi và các em xin đi học thêm văn hóa. Còn Chi thì đi học may. Chi muốn sớm có một nghề để giúp đỡ các anh em. Đợi đã rèn luyện cô bé mười lăm tuổi thành một người thợ giỏi. Trong hai năm ở viện Bảo anh, anh em Chi đều vào gia đình Phật-tử và rất chăm lo rèn tập. Chiều chủ nhật nào, Chi cũng đi họp gia đình và Chi đã trở nên một đoàn viên tốt. Có ai biết đâu một cô bé mồ côi đã tìm thấy ở gia đình Phật-tử cái thân ái tin yêu của gia đình mình. Chi xem các huynh trưởng gia đình như chú như cô, xem các thầy các Ni cô như cha như mẹ mình. Có ai biết đâu một tâm hồn non trẻ đã tin thành vào giáo lý Phật-đà đã hiểu được là vô thường của sự vật để thấy vui nhẹ nỗi đau khổ cảnh cô cút của mình.

Trong những ngày sinh hoạt gia đình ấy, Chi được quen biết với một cô Đoàn-trưởng. Cô lại là một giáo sư, tận tụy với nghề đã lâu năm. Tuổi cô cũng cùng một tuổi với chị Chi và hiện cô

cũng sống đơn thân trong một căn phòng trong trường Luống tuổi cô không còn nghĩ đến đường chồng con, và nguyện lấy trường học, lấy gia đình Phật-tử làm gia đình mình. Ban đầu, cô dạy Chi về Phật pháp, dạy Chi niệm Phật tụng kinh rồi dần dà cô tìm hiểu gia cảnh của Chi. Trong một buổi tối tại nhà cô, Chi đã thuật hết cuộc đời đau buồn của mình. Đêm ấy, Chi khóc nức nở như một đứa bé con trên vai cô. Và Cô cùng khóc.

Rồi hôm sau, người ta thấy hai chị em Chi dọn đến ở với Cô. Một gia đình mới được gây dựng trong sự êm ái, thương yêu nhau như bao nhiêu gia đình khác...

Dòng ký ức trên lần lần diễn ra trong trí Chi, Bồng có tiếng guốc của em Hoa đi vào. Chi gọi nó lại gần, sửa lại cổ áo len nó cho ngay ngắn, lật từng trang báo Xuân để hai chị em cùng xem. Con Hoa ngạc nhiên. Vì thường ngày Chi ít nưng nó như thế, Chi tự bảo là phải tập vậy để con gái sau này lớn lên để đứng đắn, nghiêm chỉnh. Với lại hoàn cảnh cuộc đời đã làm cho Chi nhiều khi không còn những niềm mộng. Một lát, Hoa xin phép đi ra chơi với mấy đứa bạn hàng xóm.

Tiếng pháo đi dập nổ xa gần... Đã gần 9 giờ rồi. Chi bỗng nhớ đến

bức tranh vải đang thêu dở. Nếu không phải làm kín đáo, sau giờ học khuya cốt để làm quà bất ngờ tặng cô thì có lẽ Chi đã hoàn thành rồi. Bây giờ thì hẳn đúng là lúc đi tiếp tục. Chi đóng cửa phòng khách rồi vào bàn học, chăm chú làm việc. Những đường chỉ xanh đậm chạy trên tấm vải pô-pe-lin trắng theo từng nét bút chì vạch sẵn. Bức tranh này Chi đã theo một bức tranh treo trong phòng thầy Chi trên chùa Bảo quốc. Bức tranh có một sức truyền cảm mạnh đến nỗi trong lúc vào thăm thầy, Chi nhìn vào tự nhiên cảm thấy nỗi buồn khổ của mình dần dà thoáng bay, thoáng bay như làn khói hương để rồi tan đi, tan đi trong cõi đất trời mênh mông.

Còn một nét vẽ cuối cùng. Chi bỗng thấy tay mình run run và mũi kim cứ đâm chọc ra ngoài, nồn nao mãi lâu mới xong. Chi đặt bức thêu vào lồng gương rồi treo lên tường. Sau tấm gương trong suốt, bức thêu càng tăng thêm vẻ đẹp. Chi say sưa ngắm nhìn bức tranh. Đây là ảnh một thiếu phụ đầu chít vuông vải, áo dài thô cứng còn nét gầy, đang quỳ trước một lò hương. Mặt cô gái nhìn xuống, trầm tư, thoang thoang buồn. Bên trong đôi mắt

có một thần nguyện giải thoát, trong lúc những nén hương đang cháy tỏa làn khói dần dà vòng rộng ra, nhỏ nét lần, nhỏ nét lần đến tan biến trong hư vô... Ở góc ảnh, bên ngoài gương có dán một mảnh giấy trắng che lấy một giòong chữ. Quan hệ! Lát nữa, cô sẽ gỡ mảnh giấy và sẽ đọc trước ai hết giòong chữ ấy.

Đã gần trưa. Trời bớt lạnh... Cô đi lễ chùa về. Vào đến cổng, nom thấy Hoa đang chơi với mấy đứa bé láng giềng, cô dừng lại. Bọn trẻ, thường ngày thương mến và xem cô như cô ruột chúng, vội chạy đến vây quanh. Chúng reo lên:

— « Chào cô, năm mới ! »

— « Chào cô, năm mới ! »

Cô xoa đầu từng đứa một, âu yếm cười với chúng. Cô mời tất cả:

— Nào các em vào nhà cô chơi với cô đi!

Rồi cô dắt tay em Hoa đi vào, bọn trẻ vui vẻ đi theo sau. Chi đứng trong nhà nhìn ra. Cái hình ảnh Cô hơi khom người xuống cho thấp để nắm tay em Hoa, giẫy giẫy lại ngoảnh ra sau nom chừng mấy đứa bé, Chi tưởng như đã thấy nhiều lần rồi. Ngày xưa, khi

mẹ Chi còn sống, mẹ Chi đã chẳng có lần dắt Chi đi như vậy sao? Và ngay sáng nay, Chi đã không trông thấy những bà mẹ dắt tay con đi về thăm ngoại nội ấy sao?

Một người mẹ. Phải! một người mẹ đang dắt một đàn con đi vào nhà. Người mẹ ấy đã thương các anh em Chi như chính mẹ đẻ ra. Không có gì khác biệt. Máu huyết đâu phải là yếu tố duy nhất cho người ta yêu thương nhau!

Cô đã vào nhà. Cô bày dọn mứt bánh ra và tha hồ cho mấy cô bé đánh chén. Một lát sau, mấy cô khách tí hon ra về.

Chi đứng trong phòng học, đợi từ nãy, lòng nao nức lạ. Chi rón rén bước đến bên Cô, tấm ảnh thêu giấu mặt vào phía mình. Nhìn thấy vẻ bối rối của Chi, cô hỏi:

— Con có gì kín đáo thế! Cho Cô xem nào!

Chi ấp úng một chập:

— Thưa... Đây là món quà đầu năm của em. Con xin kính tặng...

Giọng Chi nghẹn lại, Chi không nói được tiếng cùng, Chi cúi mặt xuống bàn, im lặng bên cạnh cô. Cô đỡ lấy tấm ảnh thêu, gỡ mảnh giấy trắng và chậm rãi đọc giòng chữ:

— Kính tặng mẹ.

Kính tặng mẹ! Cô đã hiểu qua giòng chữ ấy, Chi muốn nói gì, con gái cô muốn nói gì. Lòng cô sung-sướng lạ. Tay cô vuốt ve đầu tóc Chi trong lúc Chi có cảm giác như mình đang được vuốt ve bởi chính bàn tay của mẹ mình thuở xưa.

DƯƠNG-TRƯỜNG-GIANG

Mỗi Phật tử cố-dộng thêm một người đọc Liên-Hoa tức là xây thêm vững chắc nền văn hóa đạo đức an lạc cho đồng bào nước nhà.

Cần hiểu đúng-đắn ý-nghĩa **GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ**

«Thiên nghiên-cứu về G.Đ.P.T. này đã có đăng một đoạn trong 2 số Phật-Giáo Việt-Nam và đáng lẽ còn tiếp tục nữa, nhưng vì tạp chí Phật-Giáo Việt-Nam tạm đình bản, nên chúng tôi lấy đăng lại vào Liên-Hoa để độc-giả đoàn-sinh của Gia-Đình Phật-tử rộng đường suy luận về đường lối và tổ chức của mình. Những ý kiến của tác giả Hùng-Khanh rất đáng được chú ý, vì tác giả là một trong những người đứng ra sáng lập G.Đ.P.T. và đã theo rời bước tiến của G.Đ.P.T. từ khi mới thành lập, cho đến nay.

L. T. S.

I.— SỐ NGƯỜI HIỂU SAI GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ MỖI NGÀY MỖI ĐỒNG.

Mặc dù Gia-đình Phật-tử đã ra đời trên mười năm, ngày nay vẫn còn có nhiều người hiểu lầm ý-nghĩa của nó. Và hình như bây giờ số người hiểu sai lại càng nhiều hơn khi nó mới ra đời. Điều này, mới nghe, thấy như vô-lý. Nhưng xét cho kỹ, lại đúng với sự thật. Khi mới ra đời số-lượng Gia đình Phật-tử đang còn ít và chỉ nằm gọn ở các thị-xã. Số người có tương-quan đến Gia-đình Phật-tử còn ít, thì số hiểu sai nó tất-nhiên cũng không nhiều. Và lại vì nó còn ở trong phạm-vi hẹp-hòi, cho nên có thể giải-thích dễ-dàng cho những người có quan-niệm sai lầm

về nó, dù là người ở ngoài hay ở trong tổ-chức. Hiện nay, số người trong tổ-chức đã đông, mà số người đứng ngoài nhìn vào, nhìn qua sinh-hoạt của Gia đình Phật-tử lại càng đông hơn. Vì quá đông, cho nên đoàn-sinh có người hiểu sai ý nghĩa của nó, mà đoàn-trưởng hay người có trách-nhiệm về Gia-đình Phật-tử, không đủ thì giờ để giải-thích, cải chính hay không có đủ tâm mắt quán xuyên để bao quát tất cả những gì đã xảy ra trong đoàn mình, trong Gia-đình mình, trong tâm-hồn, lý-trí đoàn-sinh. Trong nội bộ, còn chưa đủ thời giờ để kiểm-soát một cách chu-đáo, thì còn thì giờ đâu để đánh-chính những quan-niệm sai lầm của những kẻ đứng ngoài nhìn vào, đứng xa nhìn lại. Đây là chưa nói đến cái số người nhìn một cách xuyên tạc, nhìn với ý-kiến riêng của mình, với những tấm lòng đã nhuộm sẵn màu sắc xanh, đỏ, tím, vàng.

II.— NGƯỜI TA HIỂU SAI GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ NHƯ THẾ NÀO ?

1/ Những người đứng ngoài.— Chúng tôi muốn nói những người không phải là Phật tử, những người ở các tôn-giáo khác, đoàn-thể khác. Đối với những người này, Gia-đình Phật-tử là đoàn-thể tin-đồ con con, sinh-hoạt in hệt như tin-đồ lớn tuổi, chỉ khác có bộ y-phục màu lam, và sự sắp đặt có hàng lối hơn. Họ chỉ thấy đó là một vấn-đề tin-ngưỡng mà có tổ-chức thanh-niên ấy, chứ không thấy ngoài vấn-đề tin-ngưỡng, cái gì khác hơn nữa, như là vấn-đề giáo-dục thanh-niên, chẳng hạn.

Và khi đã hiểu sai như thế, thì người ta rất dễ gán cho nó cái danh-từ «phản giáo-dục» nghĩa là người ta có thành kiến rằng những đứa bé mặc áo lam ấy đến chùa

đề kinh-kệ, quý lay lê-nghê lúc ngúc, cũng xuýt-xoa « mô-Phật », cũng lim dim đôi mắt, và có nhiều khi ngủ gât thật. Tạo ra trong trí đầy thành-kiến của mình những mẫu người tỵ-hon như thế, tất-nhiên họ sẽ tội nghiệp thương xót những đứa bé mà họ tưởng rằng người ta đặt ra hình-thức « Gia-đình » mới mới cho vui mắt vậy thôi, chứ thực ra giáo dục cũng chẳng có, mà tín-ngưỡng cũng không. Đó là vấn-đề hoàn-toàn hình-thức, không chứa một nội dung gì cả. Người ta cho trẻ em mặt đồng-phục, tập cho chúng đi ra đường có hàng lối, biết năm bảy bài hát, vài chục trò chơi, thỉnh-thoảng đi cắm trại để đổi không khí tổ-chức, một vài buổi văn-nghệ để loe những thẳng ranh con khác, vác tràng đi đưa đám ma, hay làm hàng rào danh-dự với những tiếng hô « khẩu-hiệu » rất kêu, rất lớn có thể làm giật mình những khách quý đến thăm chùa: đó, người ta thu-gọn hoạt-động của Gia-đình Phật trong từng ấy cử-chỉ, dáng điệu!

2/ Những người trong cuộc.— Những người đứng ngoài nhìn vào hiểu sai lầm ý-nghĩa của Gia-đình Phật-tử, điều đó không đáng trách lắm, và cũng không nguy hại cho tổ-chức ấy lắm. Đáng trách và nguy hại nhất là những người ở trong cuộc, những người có trách-nhiệm trực-tiếp hay gián-tiếp về Gia-đình Phật-tử mà vẫn vô-tình hay cố-ý hiểu sai mục-dích, đường lối của Gia-đình Phật-tử.

Chính những người này đã gián-tiếp cung-cấp thêm bằng chứng để người ngoài dựa vào đó mà lập luận sai lạc về mục-dích, ý-nghĩa của Gia-đình Phật-tử. Người ngoài cho rằng tổ-chức ấy chỉ có mục-dích tín-ngưỡng rất lạc hậu, thiếu phương-pháp giáo-dục, thiếu hiểu biết cái hướng đi của con người giữa thế-kỷ hai mươi, thì, một số người trong tổ-chức, hay liên-quan đến tổ-chức, quả thật không

hiều biết hay không chú-trọng gì đến những vấn-đề ấy hết. Đến nay vẫn có người chủ trương rằng « cho bọn nhỏ ấy đến chùa lễ Phật là đủ rồi ». Có người, nhất là quý vị lớn tuổi, lấy làm bực mình, khó chịu, khi thấy các em chơi, hát, nhảy múa. Ủ, tu gì lại ồn-ào, « động » như quý sư thế? Đạo Phật từ xưa đến nay đã mấy chục thế-kỷ rồi, có ai làm cái « trò khỉ » như thế đâu, mà cũng vẫn tu thành chánh quả, tin-đồ cũng vẫn đông-đảo như thường? Quý vị ấy chỉ thích các em cũng thuộc nghi-thức tràng-giang đại-hải như mình, cũng tán tụng được như mình, mỗi khi có cầu an, hay cầu-siêu, cũng ngồi từng giờ bên cạnh mình để hành lễ. Nhất là ở thôn-quê, không có gì làm cho các « bác » hải lòng bằng thấy các em sắp hàng hai năm tràng-phang đi đưa đám ma. Vàng! thật là rậm đám! Đó là những em ngoan, những em đã thuần-thục mà quý vị ấy tin chắc sau này sẽ trở thành những « Phật-tử chân chính ».

Trong lúc có một số đạo-hữu lớn tuổi chủ-trương huấn-luyện các em bằng phương-pháp « thiếu phương-pháp » như thế, thì một số các anh em huynh-trưởng lại chỉ nghĩ đến chuyện hình-thức. Trong lúc hằng-hải hoạt-động, nhiều người đã quên quách mục-dịch của Gia-đình Phật-tử. Mỗi người theo một sở-thích, một khả-năng riêng của mình, và lòi Gia-đình về phía ấy: người thạo về hoạt-động thanh-niên coi muốn đem các em đi cắm trại, người thạo về văn-ngệ chỉ thích tổ-chức những buổi trình-diễn văn-ngệ, người giỏi về Phật-pháp chỉ muốn các em ngồi hàng giờ để nghe mình giảng giáo-lý, thành ra ai cũng vì sở-thích của mình mà hoạt-động, ít ai nghĩ đến mục-dịch chung, đến việc giáo-dục các em. Đối-tượng chính của Gia-đình Phật-tử đã bị đánh lạc mắt: Có người nghĩ rằng các em đồng-niên, thiếu-niên, thiếu-nữ, ấy phải phục-vụ cho đạo;

cho Hội, cho chùa, cho Gia-đình, cho các lễ-bái trong Hội, trong chi, trong khuôn: Các em trở thành đồ dùng người lớn. Và tội nghiệp nhất là các em, và một số các anh nữa, cũng tưởng lầm như thế. Cho nên khi có một lễ-lược, một tổ-chức gì quan-trọng, là ban trị-sự các cấp hướng về Gia-đình Phật-tử, lấy họ làm một mục chính trong chương-trình lễ-lược, lấy họ làm tay sai đặc-lục cho buổi tổ-chức, Và thế là các em, và một số các anh nữa, tưởng mình quan trọng thật, nai lưng ra làm việc, quên ăn bỏ ngủ, trải nắng, dầm mưa, dề rỗi sau buổi lễ, lén ra đau từng loạt!

Người ta quên rằng đối tượng chính của Gia-đình Phật-tử là các em, là phục-vụ các em, là đào tạo cho các em thành người, thành Phật-tử. Các em là những cây con mà chúng ta cần bón tưới, uốn nắn chăm nom cho chúng lớn, chúng mạnh để sau này chúng trở hoa ra trái. Chỉ sau này mà thôi, chứ dùng ngay chúng bây giờ, bắt chúng phải nở hoa, kết trái sớm, che bóng cho người ta, làm sào làm gậy và làm củi nữa, thì thật là đã phản lại mục-dích ý nghĩa của Gia-đình Phật-tử.

III. — NHỮNG HẬU QUẢ TAI-HẠI CỦA SỰ HIỂU LẦM VỀ GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ.

A. — Bên ngoài. — Khi người ngoài nhìn và nghĩ một cách sai-lạc về Gia-đình Phật-tử như thế, thì tất-nhiên người ta sẽ không có một quan-niệm tốt, thiện-cảm đối với tổ-chức thanh-niên này. Và do đó, chúng ta sẽ thấy những hậu quả tai-hại như sau:

1/ **Người ta không muốn cho con em đến với Gia-đình Phật-tử.** — Ngày nay, ngoài số người vì hoàn-cảnh xã-hội, phải lo chạy ăn, chạy mặc, dầu tắt mắt tối, không có thì giờ nghĩ đến việc dạy dỗ con em, còn phần

đồng phụ-huynh đều chú trọng đến vấn-đề giáo-dục con cái. Nếu người ta nghĩ rằng gởi con đến Gia-đình Phật-tử mà chỉ để cho chúng tập tụng-niệm, hay chỉ vì một bộ mã đồng-phục bên ngoài, thì chắc người ta không thiết cho chúng đến lắm. Phải chăng vì thế mà số đoàn-sinh ở các thành-thị tương-đối ít hơn ở thôn-quê?

2/ Những người có khả-năng về tổ-chức, hay giáo-dục thanh-niên không sốt-sắng hưởng-ứng.— Cũng như các bậc phụ-huynh, những người có kinh-nghiệm, có khả-năng về sự điều-khiển thanh, thiếu-niên sẽ không sốt-sắng tham-gia, giúp đỡ Gia-đình Phật-tử, một khi họ hiểu sai lạc về tổ-chức này, một khi có quan-niệm rằng đó là một tổ-chức tôn-giáo thuần-tuý, chỉ cốt luyện cho thanh-niên thành những tín-đồ bao giờ đòi mất cũng lim-dim như buồn ngủ, thân hình ẻo-lả xanh xao như tàu lá chuối, cử-chỉ yếu-ớt đuôi ruồi không bay. Khi sai lầm mục-dích như thế thì họ thấy mình không có lý-do gì để đến đây; mà còn tìm cách tránh xa để khỏi mang tiếng là hưởng-ứng một tổ-chức phản giáo-dục.

B. — Bên trong.— Nhưng hậu-quả tai-hại của sự hiểu sai ý-nghĩa Gia-đình Phật-tử đối người ngoài, tuy thế mà còn ít trầm-trọng, bi-đát hơn khi chính những người ở trong tổ-chức ấy trong số trước, sự hiểu sai ý-nghĩa của nó. Như chúng tôi đã trình-bày trong đoạn trước, sự hiểu lầm này có khi ở phía huynh-trưởng, có khi ở những vị Tăng-già hay đạo-hữu có liên-quan trực-tiếp đến Gia-đình Phật-tử như Cố-vấn giáo-ly, Hội-trưởng, Cbi-trưởng, Khuôn-trưởng Gia-trưởng, ban-viên, ban Bảo-trợ. Chúng tôi cho những nguy-hại do sự hiểu lầm của những người ở trong trầm-trọng hơn ở ngoài, vì bao giờ cũng thế, một tổ-chức suy-dồi, sụp đổ đều do bên trong gây ra trước, và bên

ngoài chỉ là trợ duyên thôi. Dưới đây chúng ta thử đưa ra một ít hậu-quả tai-hại do những sự hiểu sai Gia đình Phật-tử mà những người trong cuộc gây ra.

1/ Tai-hại khi huynh-trưởng hiểu sai ý-nghĩa Gia-đình Phật-tử.— Không kể những sự hiểu sai-lầm nhỏ-nhất, nói ngay đến những điểm chính như lý-tưởng, mục-dịch, đường lối của G.Đ.P.T. mà hiểu sai là có thể phá tan cả một phong-trào giáo-dục thanh thiếu-niên Phật-tử. Quên rằng đối-tượng của G.Đ.P.T. là các em, là những mầm non-nở cần phải uốn nắn, chăm sóc, nuôi dưỡng để chúng thành những con người lý-tưởng, kiêu-mẫu của Phật-giáo, mà cứ nghĩ đến chuyện văn-ngệ, hoạt-dộng thanh-niên, hay giỏi giáo-lý, là đã đảo ngược mục-dịch của Gia-đình Phật-tử lấy gốc làm ngọn, lấy phần-điền làm toàn-thể, lấy phương tiện làm cứu cánh. Làm như thế, chúng ta không đào-tạo con em thành những Phật-tử chân-chính đầy-dủ ý-nghĩa cao-đẹp, mà chỉ đào-tạo thành những nghệ-sĩ, nhà chuyên-môn hay nhà nghiên-cứu. Nhưng nếu được thế còn may, có khi lại không thành gì cả, mà chỉ dở dở, ương ương, vì những người có trách-nhiệm về chúng đã xem chúng như những tấm vải mà mỗi người như một họa-sĩ giành nhau vẽ lên những hình-ảnh theo sở-thích của mình, và kết-quả là không thành gì cả!

Vì hiểu sai lầm như trên, vì lấy phương tiện làm cứu-cánh, nên một số huynh-trưởng khi đến với Gia-đình Phật-tử đã có sẵn ý-niệm rằng mình đến để dạy văn-ngệ hay hoạt-dộng thanh-niên. Họ cho như cái ngành mà họ phụ-trách là quan-trọng nhất và bắt buộc các em phải hướng về đó. Nhất là khi gặp một huynh-trưởng có khả-năng phần-điền và về quan-niệm hẹp-hòi như thế, thì ảnh-hưởng

của họ thật là tai-hại. Họ làm cho Gia-đình Phật-tử chỉ hoạt-động có một khía cạnh, và làm lu mờ các khía cạnh khác. Và nếu có ai thấy cái nguy-cơ ấy mà ngăn-ngừa, cảnh-giác thì họ tỏ ra bất-mãn và có khi phản-đối bằng cách ra Gia-đình, nghỉ hoạt-động. Thế là Gia-trưởng chỉ còn lựa chọn giữa hai giải-pháp: hoặc để cho Gia-đình Phật-tử ấy bế-tắc, hoặc để cho huynh-trưởng ấy tiếp tục in như cũ.

2/ Tai-hại khi các vị Tăng già hay hội-hữu có trách-nhiệm về Gia-đình Phật-tử hiểu sai ý-nghĩa của nó.

Như trong đoạn trước chúng tôi đã nói, có một số đông « người lớn » trong Gia-đình Phật-tử vì hiểu sai mục-đích của tổ-chức này, vì không hiểu phương-pháp giáo-dục mới, hay vì quen thói độc-tài, nên chỉ muốn đoàn-sinh Phật-tử cũng tu theo kiểu như mình, như người lớn, người già. Họ thích yên-tĩnh, sợ ồn-ào, nên họ bức mình khi thấy các đoàn-sinh chơi đùa, chạy nhảy, múa hát trước mắt họ sau lưng họ, chung quanh họ. Người có ít uy-tín thì lặng thinh nhưng tỏ vẻ bất-mãn, người có uy-tín hơn tí nữa thì « đuổi các em đi chơi chỗ khác » để khỏi làm náo-động cảnh chùa-chiền hay hội-quán; người có uy-tín nhiều hơn nữa bắt các em tụng-niệm nhiều hơn, hay ngồi nghe họ thuyết pháp hằng giờ.

Có người thực-tế hơn, xem Gia-đình Phật-tử như một thứ trang-trí cho vui chùa, vui hội, khi bình-thường, và cần-thiết khi có lễ-lược. Và đối với họ như thế là đủ rồi, không cần đòi hỏi gì nhiều hơn nữa!

Hậu-quả tai-hại ở đây là, hoặc các em sẽ trở thành những ông cụ non khi chưa đến tuổi trưởng-thành, hoặc những vật trang-trí, có cái bề ngoài hào-nhoáng mà trống rỗng bên trong.

PHẦN GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ ✱ PHẦN GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ

Sự hiểu sai lầm trên còn đem đến một hậu-quả bất lợi khác là làm chán-nản những huynh-trưởng có thiện-chí, bắt-buộc họ, hoặc ở trong một thế bị động, hoặc cương-quyết chống lại.

3/ Phần lớn sự xung-đột giữa phái già và phái trẻ ở trong mọi G.Đ.P.T đều do sự hiểu sai ý-nghĩa của nó mà ra. — Thật ra, sự xung-đột giữa phái già và trẻ là một tình-trạng chung, thường xảy ra trong mọi tổ-chức mà già và trẻ chung lớn: đại-gia-đình, nghiệp-đoàn, nghị-trường v.v... Đó là hậu-quả không thể tránh của sự khác nhau giữa phái già và phái trẻ về mọi phương-diện: sinh-lý tâm-lý, kinh-nghiệm, triết-lý về quan-niệm cuộc đời v.v... Ngoài lý-do trên, sự xung-đột trong G.Đ.P.T. còn là hậu-quả của sự hiểu sai ý-nghĩa của Gia-đình. Theo sự trình-bày ở đoạn trên, chúng ta đã thấy, huynh-trưởng hiểu sai và làm sai mục-đích của Gia-đình Phật-tử như thế nào, người lớn hiểu sai và làm sai như thế nào rồi. Hai sự hiểu sai và làm sai ấy thật xa nhau như trời với vực, khác nhau như âm với dương. Phái trẻ đổ cho phái già làm hư các em, phái già đổ cho phái trẻ làm sai đạo Phật. Mỗi phái đều đứng ở lập-trường sai lạc của mình để công-kích phái kia, và vì thế cho nên sự xung-đột mới trầm-trọng, khó giải-quyết. Nếu ai cũng hiểu đúng-đắn mục-đích, đường lối phương-pháp giáo-dục của Gia-đình Phật-tử, nếu ai cũng đứng trong một lập-trường chung là lập-trường của Gia-đình Phật-tử và hướng về một mục-đích chung là tạo cho con em chúng ta thành những Phật-tử lý-tưởng với tinh-thần của Đạo Phật và phương-pháp của giáo-dục mới ngày nay, nếu ai cũng hiểu và làm như thế, thì những sự xung-đột giữa phái già và trẻ, cự và tàn sẽ được giải-quyết một cách không khó-khăn.

(Kỳ sau : Làm thế nào để ý nghĩa của gia-đình Phật tử được hiểu đúng-đắn)

PHẦN GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ ✱ PHẦN GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ

DỰ ÁN VỀ TRƯỜNG HÀM-THỤ GIA-ĐÌNH PHẬT-TỬ

Soạn thảo PHAN.CẢNH-TUÂN

« Đây là một dự-án về huấn-luyện đoàn trường mà tác-giả là một cựu Huỳnh trường rất quen biết đối với gia-đình Phật-tử. Dự-án này có thể thực-hiện được sau khi đại-hội Huỳnh-trường toàn quốc về gia-đình Phật-tử biểu quyết chấp-thuận. Chúng tôi đang tải dự-án này vào đây không ngoài mục đích để quý vị độc-giả của G.Đ.P.T. tham khảo ý-kiến. Nếu quý độc-giả có ý-kiến gì cần thêm bớt, xin vui lòng gửi về Tòa-Soạn Liên-Hoa, để chúng tôi chuyển-đặt đến tác-giả, hàn kết thành một dự-án hoàn-hảo hơn.

L. T. S.

I) TRƯỜNG HỌC THEO PHƯƠNG-PHÁP HÀM-THỤ

II) VĂN-PHÒNG ĐẶT TẠI SÀI-GÒN.

III) TRƯỜNG CÓ NHIỀU LỚP.

A) **Lớp Trường.** Đào tạo Đoàn-trưởng cốt cán cho GĐPT.

B) **Lớp Hướng-Dẫn Mờ Các Trại.** Hướng-dẫn cách thức ở các Trại Huấn-Luyện, Trại Hè, địa-điểm, thời-gian, chương-trình, các khóa học cho từng nơi, riêng từng Trại, Đới và Đoàn, Nam và Nữ.

C) **Lớp Hướng-Dẫn Công-Tác Xã-Hội.** Giới-thiệu các công-tác để làm, vừa sức với các thiếu-niên để tập cho quen với các công-tác, hợp với tinh-thần Đạo và G.Đ.P.T.

Những hoạt-động của Thanh-niên Phật-tử. Hợp tác với các Đoàn-thể khác trên phương-diện nào để công-tác xã-hội.

Đ) Lớp Học Nghề. Những nghề có thể học bằng phương-pháp Hàm-thụ : đóng sách, sửa đồng hồ, may thêu, họa, nghề sơn, nghề kỹ chữ, chụp hình, rửa hình, quay phim, lái xe hơi vân vân... hòng giúp các Đoàn sinh G.Đ.P. T. có một nghề trong tay.

Đ) Lớp Học Giáo-Lý. Chuyên môn đặc biệt về giáo lý. Học kinh điển và các nghi lễ trong nhà Phật.

Sau khi thực hiện được lớp này, nhà trường sẽ mở thêm nhiều lớp nữa.

TỔ-CHỨC CỦA NHÀ TRƯỜNG

BAN CỐ-VẤN VÀ GIÁO-SƯ. Trên hết là Quý Vị Cố-vấn Gia-Đình Phật-tử, Quý Anh Chị cựu huynh-trưởng của Gia-đình, Quý Vị huynh trưởng đang nỗ lực sinh-hoạt cho Gia-đình họp lại làm một Ban Giáo-sư, gửi tài-liệu và viết soạn bài vở giúp cho nhà trường. Quý Bác và Quý Bạn chuyên nghiệp cố-vấn các lớp học nghề... (Tất cả anh chị em ở khắp nơi đều có thể gửi giúp tài liệu cho G.Đ.P. T).

BAN CHỈ-HUY. Gồm có một *Giám-đốc chỉ-huy-trưởng* lo điều-hòa mọi công việc của nhà trường.

b) *Giám-đốc sưu tầm nghiên cứu* : thu thập các bài vở, tài-liệu và đúc kết soạn lại cho vừa khuôn khổ bài học, trình-bày bài làm dưới hình thức trắc nghiệm (test).

c) *Giám-đốc ấn-loát trình-bày* : In bài vở, giấy tờ số sách của nhà trường.

d) *Giám-đốc kỹ-thuật.* Luôn luôn theo dõi đôn đốc... để bài vở được thực-tế, sát với phong-trào, có thời gian tính và từ cách chấm bài, gửi bài, mọi tổ-chức của nhà trường cho thật - chu đáo, khoa-học. Sửa bài, đề-nghị và cấp chứng chỉ cho các học viên.

d) *Giám-đốc Văn-phòng* liên lạc giữa các bạn, giữa nhà trường và các học viên, nhận bài gởi bài, trả lời thư từ cho học viên.

e) *Giám-đốc các lớp* Lớp Trường, Lớp Học nghề, Lớp Giáo-lý... Mỗi lớp có mỗi Giám-đốc chịu trách-nhiệm về tinh-thần và kết quả học tập của các học viên về môn mình phụ-trách.

BAN ĐẠI-DIỆN NHÀ TRƯỜNG. Ở khắp các Tỉnh, nhà trường mời một số huynh-trường các nơi nhận làm Đại-diện cho nhà trường.

Vị Đại-diện nhà trường có trách-nhiệm đôn-đốc, cổ-động, khuyến-khích cho nhà trường có nhiều học viên, kiểm soát sự học hỏi của học viên, ủng-hộ nhà trường về mặt tài chánh và kỹ-thuật và đại-diện nhà trường để trao cấp bằng, chứng chỉ khi học viên được trúng tuyển mãn khóa.

LỚP TRƯỜNG

MỤC ĐÍCH 1) Xây-dựng cho Đoàn-trưởng có một căn bản vững chắc về Giáo-lý, một hiểu biết đầy đủ về Thanh-niên, về sứ mạng thiêng-liêng của G.Đ P.T. cùng những kiến thức cần thiết để gây Đoàn và giữ Đoàn bằng phương-pháp hàm thụ.

2) Gây tinh-thần thống nhất phong-trào (bất kỳ Đoàn trưởng ở tập đoàn nào đều có thể theo học).

Mãn khóa học nếu bài làm của học viên đủ điểm trung bình, học viên sẽ được nhận chứng chỉ « Đoàn-trưởng G.Đ.P.T. Việt-nam và có thể đeo thêm một huy-hiệu đặc biệt của khóa học. Lễ phát cấp bằng, chứng chỉ sẽ do Ban Hướng-dẫn Tỉnh hay Chi-hội long trọng trao lại cho Đoàn-trưởng.

ĐIỀU-KIỆN HỌC. 10) Phải là Đoàn-trưởng G.Đ.P.T. đang hoạt-động cho 1 đoàn (Thiếu-niên, Thiếu-nữ, Oanh-Vũ hay Nam-Nữ Phật-tử).

2^o) Đóng đủ số tiền phí tổn về bài vở.

3^o) Phải làm bài thường xuyên gửi về cho Ban phụ-trách khóa học.

THỜI GIAN HỌC CỦA 1 HỌC VIÊN. Mỗi tuần có thể 1 hoặc 2 bài học tùy học viên có thì giờ nhiều hay ít. Mỗi khi ban phụ trách nhận được bài tập của học viên gửi đến là gửi tiếp liền bài học sau học viên. Ban phụ trách sẽ ngưng gửi bài nếu học viên không chịu gửi bài làm cho Ban phụ trách. Số bài học và tập không quá 50 bài. Học viên chuyên cần có thể theo trọn khóa này trong 5 hay 7 tháng, còn nếu vì điều-kiện thời gian eo hẹp, thư từ đi về mất nhiều thì-giờ, cả khóa học không quá một năm.

THỜI GIAN CỦA CÁC KHÓA.— Các học viên nối tiếp nhau, không có ngày bắt đầu và ngày cuối của một khóa nhất định. Ai học xong, đủ bài học, đủ bài làm là đủ khóa học. Vì vậy, công việc này sẽ nối tiếp nhau mãi mãi khi nào còn G.Đ.P.T. là còn lớp học này để đào tạo Huynh-trưởng cốt cán, để gây uy-tín cho Tổng-Hội, để đi đến thống nhất tinh-thần và tổ chức G.Đ.P.T. điều mà chúng ta hằng ước nguyện.

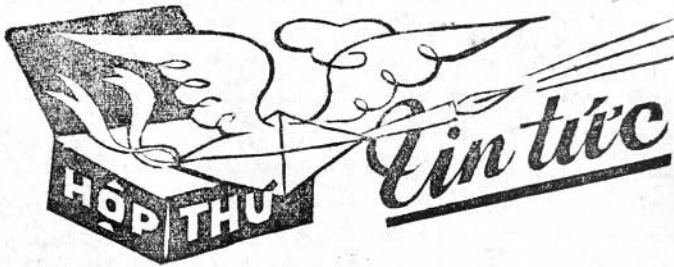
CÁCH THỨC THEO KHÓA HỌC.— Muốn ghi tên vào danh sách học viên, Đoàn trưởng phải điền tên vào một tờ khai xin nhập học (tại văn phòng ban phụ trách có sẵn).

— Đồng thời gửi ngân phiếu 200\$00 tiền in bài học (50 bài học và 50 bài tập) Ngân phiếu đề tên...

— Khi ban phụ trách nhận được tờ khai và ngân phiếu, liền gửi bài học số 1 kèm theo bài tập số 1 cho học viên.

— Học viên nhận được bài học và bài tập số 1 đã in sẵn, học viên nghiên-cứu đề tài và làm bài tập. Khi nào làm xong bài tập, học viên gửi bài tập cho ban phụ trách, trong thư nhớ kèm theo một con tem 2 đồng để nhận bài học sau.

— Ban phụ trách nhận được bài tập số 1, sẽ chấm liền và gửi tiếp liền bài học số 2 kèm theo bài tập số 2 cho học viên.



TIN TRONG NƯỚC.

Thừa-Thiên. — Đại Hội-dồng tỉnh hội Phật Giáo Thừa-Thiên đã cử hành vào ngày 10 và 11 tháng giêng Canh-Tý tại chùa Từ Đàm. Trong dịp hội đồng người ta thấy có Hòa Thượng Pháp chủ, quý Đại đức trong Giáo hội Tăng già Thừa Thiên, đại diện chính quyền, đại diện Tổng hội Phật Giáo Trung phần đại diện gia đình Phật Tử cùng với đại biểu của 250 khuân hội tại Thừa Thiên, sau 2 ngày thảo luận sôi nổi, các Phật sự cần thiết và tất cả đại biểu đều yêu cầu dựng lại ban trị sự cũ. Đại đức Huyền Quang vẫn làm Hội trưởng-lãnh hội.

Hội Quán-Thế-Âm. — Ngày khánh đản đức Quán-Thế-Âm sẽ cử hành rất long trọng vào những ngày 16, 17, 18 và 19 tháng 2 Âm-lịch tại Ngũ hành Sơn (Chùa Non-Nước Đà-nẵng) gọi là Hội Quán-Thế-Âm. Do Giáo-Hội Trung-Phần tổ chức. Hòa Thượng Thuyền Tôn làm Trưởng ban, đại khái lễ ấy gồm có :

— Phát hành tập san nói rõ lịch sử Ngũ hành Sơn, sự linh ứng của Bồ tát Quán-Thế-Âm, tranh ảnh, thơ nhạc v. v.

— Liên tiếp phát thanh về Phật-Giáo trong mấy ngày ấy.

— Cầu nguyện Quốc thái dân an, cầu siêu anh hồn chiến sĩ và các nghi lễ đặc biệt.

Giáo Hội Tăng già Trung Phần đang dự định nếu có thể xin phép chánh quyền cho Công chức, học sinh Phật tử nghỉ và giảm tiền xe tàu cho du khách hành hương trong dịp ấy.

Những hoạt động của Tổng Hội trong tháng giêng, 1960. —

Tổng Hội Phật Giáo Việt-Nam vừa cho phát hành « Tập Kỷ yếu Đại-Hội Phật Giáo toàn quốc kỷ thứ III », với một nội dung phong phú, trình bày mỹ-thuật do những cây viết giá trị trong giới Phật-Giáo Chủ-tương biên-tập.

Liên-Hoa xin chân thành giới thiệu cùng quý vị độc-giả Phật-tử trong nước và hải ngoại tập Kỷ-yếu nói trên.

Cuộc họp của Ủy-ban văn-hóa

Tổng hội P.G.V.N. — Ngày 9-1-1960, vị Ủy-viên văn-hóa Tổng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam đã triệu tập một cuộc họp các nhà văn hóa, văn nghệ Phật Giáo tại giảng đường chùa Xá Lợi, Sài Gòn, gồm trên 30 vị tham dự. Cuộc họp này với ý định là sẽ thành lập một Ủy ban Văn hóa Phật-Giáo Tổng Hội; nhưng, sau cuộc thảo luận gần 3 tiếng đồng hồ, Hội nghị nhận thấy chưa thể gấp rút bầu một Ủy ban văn hóa ngay được nên chỉ mới xác nhận lập trường VĂN-HÓA PHẬT-GIÁO do vị Ủy-viên văn hóa Tổng Hội đưa ra ý kiến xây dựng rất hoà hợp với tư tưởng quần chúng, thời đại mà chúng tôi lược trích những nét chính của mục đích ấy :

« Văn-hóa Phật-giáo lấy NGƯỜI làm căn bản thiết yếu, lấy nhân tính đặt trên nền tảng kiến thiết, thừa nhận giá trị khả năng của con Người về sáng tạo... ».

Còn trên cương lĩnh thực hiện, văn hóa Phật Giáo thì « Lấy tình thương

lòm cơ năng, lấy trí giác lòm phương tiện, tiến tới mục đích giải thoát con người. — Dù ở vào xã hội nào, thời gian nào Văn-hóa Phật-Giáo cũng vẫn là nguồn sống của mọi sự sống, vì Phật-Giáo là chân-lý.

Bởi nhận định rõ sự quan trọng ấy nên Hội nghị chỉ mới bầu một ban vận động, đề hy vọng có thể sẽ triệu tập cuộc họp khác có đầy đủ yếu tố thành lập một Ủy-ban Văn-hóa chính thức.

Cuộc họp khởi sự lúc 16 giờ 30 và chấm dứt hồi 19 giờ. Sau đó có bữa cơm chay thân mật do Tổng Hội thiết.

Cuộc họp của các Phật-học-đường Nam-Việt. — Từ ngày 10 đến 16 tháng giêng, 1960, một cuộc họp mặt trên 100 tăng sĩ, gồm Giáo sư và học-tăng các trường thuộc Giáo hội Tăng già V N. Cuộc họp này được tổ chức tại một địa điểm rất thoáng đãng, chùa Linh sơn (Vũng Tàu), để thảo luận và trao đổi với nhau những kinh nghiệm về giáo dục cũng như về sinh hoạt tập thể của các học tăng, mong tìm một đường lối mới cho giáo dục Phật Giáo khả dĩ thích hợp với tư trào mới.

Chúng tôi được biết, ngoài những cuộc họp còn có những giờ dạy giáo lý cho học-tăng và giảng kinh cho thiện tín rất hữu ích.

Đại hội đồng Giáo-Hội Tăng-già Bắc Việt tại miền Nam. — Ngày 21 tháng hai 1960, chúng tôi được tin chính thức Giáo-Hội Tăng-Già Bắc Việt (tại miền Nam) sẽ triệu tập một Đại Hội đồng đề bầu ban Trị Sự mới.

Khánh thành ngôi chùa Phước hòa và tượng Đức Bồ-tát Quán thế Âm. — Ngày 20, 21, 22 tháng hai, 1960, Hội Việt-Nam Phật Giáo Bắc Việt tại miền Nam sẽ làm lễ Khánh thành ngôi chùa mới và pho tượng Đức Bồ-tát Quán-Thế Âm ngàn mắt ngàn tay, toàn thân thếp vàng, trông rất trang-nghiêm. Đây cũng một trong những công-trình kiến-trúc và mỹ-thuật của một thời đại.

TIN THẾ GIỚI

Hàng ngàn người theo Phật-Giáo tại Madhya Pradesh. — Đại đức Shagaratana thư ký chi-hội Maha-Bồ-Đề tại Srnaath Đại đức Dharmarakshita sau khi viếng thăm tỉnh Madhya Pradesh đã tuyên-bố rằng dân chúng ở

đấy rất mong muốn trở nên Phật-tử: Đã có hơn 6000 người gồm có luật-sư, văn-sĩ, thi-sĩ giáo-sư và những chức nghiệp khác, đã theo Phật-Giáo.

Số người theo Phật-Giáo tại Lanji ở quận Balaghat thuộc tỉnh Madya Pradesh đã lên quá 3000 người.

Cuộc sát hạch về giáo-lý Phật-pháp. — Năm nay trên 200000 sinh viên ở mọi nơi của xứ Tích-Lan đã dự cuộc thi về Giáo-lý Phật pháp do hội Thanh niên Phật-tử Tích-Lan tổ chức hằng năm vào tháng 7 Dương lịch. Cuộc thi này đã được tổ chức 2.758 hội-đồng chấm thi.

Hội Thanh-niên Phật-tử Tích-Lan đã tổ chức những cuộc thi như vậy từ năm 1924 để mưu ích cho số thí sinh mỗi ngày một tăng.

Một Đại-đức Tích-Lan làm Giảng-viên ở Bangkok. — Đại-đức Sumangala đã rời Tích-Lan để nhận chức Giảng viên tại Viện Đại-Học Phật-Giáo ở Thái Lan.

Trước đây Đại-đức chủ trì Phật-Học-Viện Vidyaekera ở Bavilapitiya. Ngài đã từng theo học tại Đại-học-đường.

Kinh sách tặng cho Chùa ở Luân-Đôn. — Trong một buổi lễ đầy màu sắc tại tư học viện Phật-Giáo Luân-Đôn, có Phật-tử các nước tham dự, Bà H. H. Basnayake, nhân danh Công-ty doanh nghiệp Tích La A. B. Gomes đã trao tặng cho Đại-đức Sadhatissa, quản trị tư học viện Luân-Đôn, 50 kinh sách dịch từ Nam-Phạn (Pali) ra Anh-ngữ.

Đại-Đức Sadhatissa đã tuyên bố rằng tất cả những Phật-tử ở Anh Quốc rất tri-án về tặng phẩm này.

Xây dựng Chùa tại Liên-Bang Mã-Lai. — Công việc đang tiến hành tại Petaling Jaya đã xây dựng một trong những ngôi Chùa to nhất của Liên-Bang Mã-Lai. Móng chùa đã được xây trên khoảnh đất rộng hai mẫu. Chỗ đất này đã được Chính-phủ Mã-Lai tặng và Quốc-Vương Thái-Lan đã biếu 1.000 đồng Mã-Lai vào quỹ xây dựng chùa này. Số tiền xây cất sẽ chừng 250.000 Mỹ-kim.

Khi hoàn thành, chùa này sẽ có một phòng tham-thuyết, chỗ lưu trữ cho các vị Sa môn chỗ lưu trữ cho người tuổi tác và một trường mẫu giáo.

Thư từ và ngân phiếu xin đề

THẦY THÍCH ĐỨC-TÂM

Tổng thư-ký Tòa-soạn

Số 66, đường CHI-LĂNG

Hộp Thư 24 — HUẾ

Chủ - nhiệm

THÍCH ĐÔN - HẬU

Quản - lý :

THÍCH NỮ DIỆU - KHÔNG